

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH DUY KHANH

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI
TRỘM CẮP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH DUY KHANH

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI
TRỘM CẮP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG**

Chuyên ngành: Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm
Mã số: 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. TRẦN ĐÌNH NHÃ

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN.....	7
1.1. Tội trộm cắp tài sản và ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản	7
1.2. Khái niệm và phân loại nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản .	13
1.3. Cơ chế tác động và mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản với tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội và phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản.....	24
Chương 2: NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG.....	30
2.1. Diễn biến tình hình tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015	30
2.2. Cơ cấu của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	31
2.3. Kết quả đấu tranh và những khó khăn, bất cập trong đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015	40
2.4. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015.....	43
Chương 3: DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA TỘI TRỘM CẮP TÀI SẢN Ở TỈNH HẬU GIANG TRONG THỜI GIAN TỚI	54
3.1. Dự báo diễn biến tình hình tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới	54
3.2. Một số giải pháp tăng cường hoạt động phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới	57
3.3. Giải pháp nâng cao nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản	75
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	80

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- BLHS : Bộ luật hình sự.
- BLTTHS : Bộ luật tố tụng hình sự.
- CQĐT : Cơ quan điều tra.
- TAND : Tòa án nhân dân.
- TCTS : Trộm cắp tài sản.
- UBND : Ủy ban nhân dân.
- VKSND : Viện kiểm sát nhân dân.

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Diễn biến tình hình các tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (so sánh định gốc).....	30
Bảng 2.2. Tỷ lệ tội trộm cắp tài sản trong tổng số tội phạm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	31
Bảng 2.3. So sánh tương quan giữa tội trộm cắp với các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn (từ năm 2011 đến năm 2015).....	32
Bảng 2.4. Cơ cấu của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo loại tội phạm	33
Bảng 2.5. Cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang xét theo thời gian phạm tội.....	34
Bảng 2.6. Cơ cấu về hình phạt đối với người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (từ năm 2011 đến năm 2015).....	35
Bảng 2.7. Cơ cấu về độ tuổi của người phạm tội trộm cắp tài sản.....	38
Bảng 2.8. Cơ cấu về trình độ học vấn của người phạm tội trộm cắp tài sản	38
Bảng 2.9. Cơ cấu về giới tính, nghề nghiệp của người phạm tội trộm cắp tài sản...	39
Bảng 2.10. Cơ cấu về số người nghiện chất ma túy, tái phạm, tái phạm nguy hiểm phạm tội trộm cắp tài sản	40

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hậu Giang là một tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, được thành lập vào năm 2004 do tách ra từ tỉnh Cần Thơ cũ; phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang, phía Bắc giáp thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long, phía Nam giáp tỉnh Bạc Liêu, phía Đông giáp tỉnh Sóc Trăng. Cơ cấu lãnh thổ có 08 đơn vị hành chính, gồm 01 thành phố, 02 thị xã và 05 huyện. Diện tích tự nhiên 1.744,7 km², dân số: 895.918 người, mật độ dân số trung bình là 514 người/ km².

Trong những năm qua, cùng với sự đổi mới, phát triển chung của cả nước, với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp Hậu Giang đã và đang tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế, đẩy mạnh chính sách mở rộng, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các khu, cụm công nghiệp và doanh nghiệp hoạt động kinh doanh. Do vậy, kinh tế tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, tình hình Kinh tế - Văn hóa - Xã hội có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân ngày được nâng lên, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây đạt trung bình 13,5%, giá trị gia tăng bình quân đầu người năm 2015 đạt 36,5 triệu đồng/người (tương đương 1.699 USD), thu nhập này cao gấp 2,3 lần so với năm 2010.

Bên cạnh những mặt tích cực như đã khái quát thì tình hình xã hội ở Hậu Giang vẫn còn tồn tại một số hạn chế, tiêu cực nhất định. Tình hình tội phạm tăng nhanh về số lượng và phức tạp về tính chất, đặc biệt là tình hình các tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tình hình tội trộm cắp tài sản nói riêng. Theo số liệu báo cáo thống kê tội phạm trong giai đoạn 5 năm từ 2011 – 2015 của liên ngành Công an, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, cho thấy: Tội trộm cắp tài sản là phổ biến, chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số tội phạm nói chung.

Thực hiện Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới”, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh, chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành

chức năng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể thường xuyên triển khai quyết liệt các biện pháp phòng ngừa tội phạm, qua đó đã gặt hái được nhiều kết quả nhất định, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh nhà. Tuy nhiên, tình hình tội phạm vẫn chưa có biểu hiện giảm, nhất là tội phạm xâm phạm sở hữu; phổ biến là tội trộm cắp tài sản, nhiều vụ có tính chất hết sức nghiêm trọng, làm thiệt hại lớn đến tài sản của công dân, của cơ quan, tổ chức. Nó tác động tiêu cực đến tâm lý, đời sống của quần chúng nhân dân trên diện rộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần hạn chế, đẩy lùi tình hình tội phạm và nhất là tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với các tội xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản, điều quan trọng là chúng ta cần nhận thức một cách sâu sắc các dấu hiệu pháp lý hình sự, đặc điểm tội phạm học của nó; tìm ra nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, những bất cập, khiếm khuyết trong công tác đấu tranh phòng, chống tại địa phương, trên cơ sở đó xây dựng hệ thống các giải pháp hữu hiệu cho việc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Vì vậy, việc Học viên chọn đề tài *“Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang”* nhằm nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian qua, qua đó đề xuất những giải pháp hiệu quả nhằm phòng, chống tội phạm này để làm luận văn thạc sĩ luật học là mang tính cấp thiết và phù hợp với yêu cầu của tình hình hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu lý luận chung của tội phạm học

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài luận văn, các công trình khoa học sau đây đã được tác giả nghiên cứu:

- *Những vấn đề lý luận về luật hình sự, tố tụng hình sự và tội phạm học* (Sưu tập chuyên đề), Viện thông tin khoa học xã hội, Hà Nội 1982;

- *Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật Tổ tụng Hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia năm 1994;
- *Tội phạm học Việt nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện Nhà nước và Pháp luật, Nxb. CAND năm 2000;
- Giáo trình “*Tội phạm học*” của GS.TS. Võ Khánh Vinh, NXB Công an nhân dân, tái bản năm 2011, 2013;
- Giáo trình “*Tội phạm học*” của trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân năm 2004, 2012;
- Giáo trình “*Tội phạm học*” của Học viện Cảnh sát nhân dân, Nxb. Công an nhân dân năm 2002; 2013;
- *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam* TS. Phạm Văn Tỉnh, Nxb. Công an nhân dân năm 2007;
- Bộ Công an, HVCSND, *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, H.2013;
- Các bài viết về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, về nhân thân người phạm tội, về phòng ngừa tội phạm được đăng tải trên tạp chí như: Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, Tạp chí Cảnh sát nhân dân, Tạp chí Kiểm sát, Tạp chí Tòa án nhân dân và Tạp chí Công an nhân dân trong những năm gần đây.

Các công trình đã nêu là rất cần thiết cho tác giả, vì trong đó không chỉ chứa đựng lý luận tội phạm học về các vấn đề cơ bản mà đề tài luận văn phải giải quyết mà còn có những chỉ dẫn cho việc xác định phương pháp luận nghiên cứu đề tài, từ tổng quan cho đến chi tiết.

2.2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở mức độ cụ thể và liên quan trực tiếp đến đề tài luận văn, các công trình sau đây đã được tham khảo:

- Luận văn thạc sĩ luật học với đề tài “*Đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Thuận*” do Nguyễn Thanh Phương thực hiện năm 2009;

- Luận văn thạc sĩ luật học với đề tài “*Tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng, chống*” do K’Nhon thực hiện năm 2012;

- Luận văn thạc sĩ luật học với đề tài “*Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Tiền Giang*” do Nguyễn Văn Phên thực hiện năm 2014.

Ngoài ra, còn có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về loại tội phạm này theo chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự. Các luận văn, các công trình nghiên cứu này được thực hiện ở các địa bàn khác nhau, các giai đoạn, các góc độ, khía cạnh khác nhau nên có giá trị tham khảo cho việc thực hiện đề tài luận văn của học viên mà vẫn không bị trùng lặp.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Thiết lập hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang chính là mục đích nghiên cứu của đề tài. Nó được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ các đặc điểm pháp lý của tội trộm cắp tài sản;
- Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản nói chung và trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nói riêng;
- Làm rõ những nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015;
- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp phòng ngừa tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trên cơ sở đã xác định được các nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Luận văn nghiên cứu lý luận và các hiện tượng xã hội là nguyên nhân và điều kiện phát sinh và duy trì tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Về nội dung: Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học thuộc chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm về tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và cập nhật Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; nghiên cứu và sử dụng số liệu thực tế trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, bao gồm số liệu thống kê của các cơ quan tư pháp hình sự tỉnh, đặc biệt là của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và 200 bản án hình sự về tội trộm cắp tài sản.

- Về thời gian: Luận văn nghiên cứu, thu thập số liệu thực tế trong khoảng thời gian 05 năm, từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Về phương pháp luận: Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

- Về phương pháp nghiên cứu: Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp biện chứng; phương pháp hệ thống; thống kê; phương pháp nghiên cứu hồ sơ; phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn; phương pháp kế thừa; phương pháp so sánh; phương pháp mô tả, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp và các phương pháp chuyên biệt khác của tội phạm học.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về lý luận: Trên cơ sở nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản, nghiên cứu của đề tài nhằm củng cố, bổ sung lý luận và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nói riêng.

Về thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được dùng làm tài liệu tham khảo giúp các cơ quan Nhà nước, Tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh

Hậu Giang đề ra các giải pháp nâng cao các biện pháp phòng, chống tội phạm, mà cụ thể là phòng chống tội trộm cắp tài sản trong phạm vi tỉnh Hậu Giang nói riêng và cả nước nói chung. Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng là những tài liệu tham khảo hữu ích cho cán bộ, giảng viên, sinh viên trong các cơ sở đào tạo.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn được cấu trúc thành 03 chương, cụ thể là:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản.

Chương 2: Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Chương 3: Dự báo tình hình và một số giải pháp tăng cường hiệu quả phòng ngừa tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN

1.1. Tội trộm cắp tài sản và ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản

1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản

Giáo trình trường Đại học Luật Hà Nội đưa ra khái niệm trộm cắp tài sản: “*Tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có chủ*” [37, tr.34]. Khái niệm này đã mô tả dấu hiệu hành vi khách quan của tội phạm là hành vi chiếm đoạt; việc chiếm đoạt được thực hiện lén lút; tài sản bị chiếm đoạt là tài sản đang được sở hữu của chủ sở hữu. Tuy nhiên, khái niệm này không thể hiện rõ một số dấu hiệu pháp lý khác của tội trộm cắp tài sản như dấu hiệu về lỗi của người phạm tội, dấu hiệu về độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự của chủ thể tội phạm.

Khái niệm tội trộm cắp tài sản đầy đủ phải thỏa mãn các dấu hiệu của tội phạm mà theo PGS.TSKH. Lê Cẩm, phải thể hiện trên ba bình diện: Bình diện khách quan, bình diện pháp lý và bình diện chủ quan; với năm dấu hiệu: Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; tội phạm là hành vi trái pháp luật hình sự; tội phạm là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách có lỗi [7, tr.230].

Dựa vào các quan điểm trên, tác giả đưa ra khái niệm tội trộm cắp tài sản như sau: *Trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, xâm phạm quyền sở hữu được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật.*

Khái niệm tội trộm cắp tài sản trên đã xác định hành vi phạm tội trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hình thức chiếm đoạt của người phạm tội là hành vi lén lút (đây là dấu hiệu phân biệt tội trộm cắp tài sản với các tội phạm có tính chất chiếm đoạt khác), xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Các tội khác xâm phạm quyền sở hữu có thể bằng hành vi chiếm đoạt

nhưng sự chiếm đoạt xảy ra công khai như tội cướp tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản... hoặc chiếm đoạt bằng thủ đoạn gian dối như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khái niệm nêu trên còn thể hiện người đủ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, loại trừ người ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự thì không phải tội phạm. Khác với các tội xâm phạm quyền sở hữu với lỗi vô ý, người phạm tội trộm cắp tài sản có lỗi cố ý khi thực hiện tội phạm: họ mong muốn chiếm lấy tài sản của người khác để thỏa mãn các nhu cầu của bản thân hoặc gia đình.

1.1.2. Dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản

Trộm cắp tài sản trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản và đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản là tài sản đang có chủ. Theo quy định tại Điều 138 của BLHS năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009, các yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản thể hiện như sau:

1.1.2.1. Khách thể của tội trộm cắp tài sản

Khách thể của tội trộm cắp tài sản là quyền sở hữu về tài sản. Đó là quan hệ xã hội mà trong đó quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt của chủ sở hữu được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Cũng giống như các tội được quy định trong chương các tội xâm phạm sở hữu trong đó có tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự mà đối tượng tác động là tài sản của công dân Việt Nam, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức, nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cơ quan, tổ chức nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Đối với tội phạm học, đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản có ý nghĩa vô cùng quan trọng, vì nó giữ vai trò quy định đối với phương thức thực hiện hành vi.

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản

Tội trộm cắp tài sản có cấu thành vật chất, các yếu tố thuộc mặt khách quan bao gồm các hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả của hành vi, mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả, dấu hiệu về thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện phạm tội.... Cụ thể như sau:

Một là, về hành vi khách quan: Hành vi nguy hiểm cho xã hội của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Căn cứ vào Điều 8 của Bộ Luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, chia tội phạm ra làm bốn loại theo bốn mức độ nguy hiểm của hành vi, tương ứng với mức độ nguy hiểm của hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản ở tội trộm cắp tài sản của người khác, đó là 4 mức độ:

- Mức độ 1, hành vi ít nghiêm trọng là hành vi gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với nó là đến ba năm tù.

- Mức độ 2, hành vi nghiêm trọng là hành vi gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với nó là đến bảy năm tù.

- Mức độ 3, hành vi rất nghiêm trọng là hành vi gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với nó là đến mười lăm năm tù.

- Mức độ 4, hành vi đặc biệt nghiêm trọng là hành vi gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với hành vi này là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Hai là, về hậu quả nguy hiểm:

- Hậu quả nguy hiểm ở hành vi cơ bản:

Điều 138 của Bộ Luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, quy định: Giá trị tài sản bị chiếm đoạt từ hai triệu đồng trở lên hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

- Hậu quả nguy hiểm ở hành vi tăng nặng: Gây hậu quả nghiêm trọng:

- + Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

- + Bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

- Hậu quả nguy hiểm ở hành vi tăng nặng: Gây hậu quả rất nghiêm trọng:

+ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

+ Bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

- Hậu quả nguy hiểm ở hành vi tăng nặng: Hậu quả đặc biệt nghiêm trọng:

+ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;

+ Bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.

Ba là, phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, tức là, hậu quả gây nguy hiểm cho xã hội chính là kết quả của hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác và hành vi đó là nguyên nhân gây ra hậu quả.

Bốn là, các dấu hiệu về thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện phạm tội không có tính bắt buộc đối với mọi tội trộm cắp tài sản.

1.1.2.3. Chủ thể của tội trộm cắp tài sản

Nói đến chủ thể của tội trộm cắp tài sản là nói đến hai yếu tố sau:

Thứ nhất, về độ tuổi: Người từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3,4 Điều 138; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự hiện hành.

Thứ hai, về năng lực hành vi: Chủ thể có năng lực hành vi là những chủ thể có khả năng nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội trộm cắp tài sản

Mặt chủ quan của tội trộm cắp tài sản bao gồm lỗi và mục đích của hành vi phạm tội. Tội trộm cắp tài sản được thực hiện do lỗi cố ý; mục đích là mong muốn chiếm đoạt được tài sản thuộc sở hữu của người khác và mục đích này có trước khi thực hiện hành vi. Đây là dấu hiệu bắt buộc đối với tội này.

1.1.3. Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự hiện hành

Trộm cắp tài sản là hành vi phạm tội được quy định tại Điều 138 của Bộ Luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cụ thể điều luật này quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Tái phạm nguy hiểm;*
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;*
- đ) Hành hung để tẩu thoát;*
- e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;*
- g) Gây hậu quả nghiêm trọng.*

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;*
- b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.*

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

- a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;*
- b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.*

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.”

Đối với tội trộm cắp tài sản, BLHS năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, không còn quy định riêng thành hai tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tội trộm cắp tài sản công dân mà quy định thống nhất thành tội trộm cắp tài sản,

việc bổ sung nội dung định lượng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là tình tiết định tội, định khung hình phạt là những điểm thay đổi cơ bản của BLHS 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, so với BLHS năm 1985.

1.1.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản

- Ý nghĩa lý luận:

Thứ nhất, việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận của nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Mặt khác, việc nghiên cứu tổng quát về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản nói chung, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nói riêng góp phần làm rõ thực trạng, cơ cấu, diễn biến của tình hình tội xâm phạm sở hữu nói chung, tội trộm cắp tài sản nói riêng và dự đoán xu hướng phát triển của loại tội này trong thời gian tới.

Thứ hai, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản nói chung và tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nói riêng còn góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho các ngành khoa học pháp lý khác sử dụng làm tài liệu để tiếp tục đi sâu nghiên cứu, xem xét đối tượng mà mình nghiên cứu, đồng thời là cơ sở để áp dụng các phương pháp, giải pháp trong thực tiễn phòng, chống tội phạm.

Thứ ba, nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản còn nhằm làm rõ, phát hiện các sơ hở, thiếu sót trên các lĩnh vực mà Nhà nước là chủ thể quản lý để kịp thời khắc phục, bổ sung, chỉnh lý các văn bản quy phạm pháp luật nhằm ngăn chặn tội trộm cắp tài sản và đưa ra các giải pháp phòng ngừa tội phạm một cách hiệu quả nhất.

- Ý nghĩa thực tế:

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản, các chủ thể trong hoạt động phòng ngừa tội phạm tiến hành soạn thảo, đề xuất các phương pháp, giải pháp phù hợp nhằm tác động, ngăn

chặn và loại trừ các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản.

Thứ hai, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản còn góp phần cung cấp những thông tin, tài liệu hữu ích cho các ngành khoa học quản lý, cơ quan có trách nhiệm giáo dục người phạm tội và cả các cơ quan nghiên cứu những phương pháp phân loại người phạm tội để nghiên cứu những hình thức, phương pháp quản lý, giáo dục người phạm tội, lập dự án phát triển trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, xây dựng quy chế tại các trại giam, các trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục cho phù hợp để đạt được mục đích cao nhất của việc áp dụng hình phạt là cảm hóa, giáo dục người phạm tội để họ nhận ra được sai lầm của mình mà sống có ích cho xã hội, đặc biệt là khi họ tái hòa nhập cộng đồng.

Thứ ba, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản nhằm góp phần phổ biến, tuyên truyền và nâng cao ý thức giữ gìn tài sản đối với các chủ sở hữu, đặc biệt là đối với các loại tài sản có giá trị lớn.

1.2. Khái niệm và phân loại nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản

1.2.1. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản

Trong nghiên cứu tội phạm học, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nói chung, của từng nhóm tội phạm cũng như của từng tội phạm cụ thể nói riêng là vấn đề hết sức cần thiết. Bởi lẽ, muốn ngăn chặn, hạn chế, đẩy lùi và triệt xóa tội phạm xảy ra khỏi đời sống xã hội thì trước hết phải làm sáng tỏ vì sao tội phạm phát sinh, tồn tại, vận động trong đời sống xã hội. Với ý nghĩa to lớn đó cho nên các nhà tội phạm học hết sức quan tâm nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm để có thể chỉ ra được những yếu tố đóng vai trò là nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm nói chung, tội trộm cắp tài sản nói riêng. Trước hết, phải làm sáng tỏ về mặt lý luận các khái niệm “nguyên nhân” và “điều kiện”.

Theo từ điển tiếng Việt, thuật ngữ “nguyên nhân” được định nghĩa là: “Điều gây ra một kết quả hoặc làm xảy ra một việc, một hiện tượng” [43, tr. 1217].

Theo Triết học Mác - xít, *nguyên nhân* là một phạm trù chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt trong một sự vật, một hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau gây ra sự biến đổi nhất định gọi là kết quả. Như vậy, về bản chất, nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại, để nguyên nhân sinh ra kết quả nhất định nào đó như tình hình tội phạm chẳng hạn, thì quá trình tương tác phải diễn ra trong điều kiện nhất định. *Điều kiện*, tuy không làm sản sinh ra kết quả, song nó lại tạo thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy sự tương tác sinh ra kết quả. Về bản chất, điều kiện là những sự kiện, hiện tượng, tình huống, hoàn cảnh nhất định tạo điều kiện cho nguyên nhân sinh ra kết quả.

Khi nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, có thể tiếp cận dưới một số khái niệm khác nhau. Chẳng hạn như “Nguyên nhân của tội phạm là tổng hợp các nhân tố mà sự tác động qua lại giữa chúng đưa đến việc thực hiện tội phạm của người phạm tội [38, tr. 129].

Theo Giáo sư Võ Khánh Vinh: “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm” [45, tr. 87].

Có thể đưa ra nhận định rằng: Nguyên nhân là những gì làm phát sinh ra tội phạm. Điều kiện là những gì tuy không làm phát sinh ra tội phạm nhưng nó hỗ trợ để nguyên nhân dễ dàng làm phát sinh tội phạm.

Khi nghiên cứu một hành vi, một hiện tượng nào đó có thể trở thành nguyên nhân hay không, cần có những điều kiện sau:

Thứ nhất, hành vi, hiện tượng đó phải xảy ra trước hậu quả về thời gian.

Thứ hai, nguyên nhân phải chứa đựng khả năng gây ra hậu quả.

Thứ ba, hậu quả xảy ra là hiện thực hóa khả năng của hành vi, hiện tượng.

Tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 chương XIV Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và được quy định tại Điều 173 chương XVI của Bộ luật hình sự năm 2015. Các tội này đã xâm phạm vào khách thể là quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ. Xét theo mối quan hệ nhân - quả, thì quả ở đây là tình hình tội trộm cắp tài sản, còn nhân (nguyên

nhân) của nó không thể là một hiện tượng, một yếu tố cụ thể nào, mà nguyên nhân chỉ có thể là sự tác động qua lại của nhiều hiện tượng, nhiều yếu tố.

Như vậy, có thể hiểu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực của môi trường sống bên ngoài với các yếu tố tâm - sinh lý tiêu cực bên trong cá nhân con người mà trong những tình huống, hoàn cảnh nhất định đã dẫn đến việc thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Luật hình sự Việt Nam quy định là tội phạm xâm phạm sở hữu, cụ thể ở đây là tội trộm cắp tài sản.

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản có những phạm vi ảnh hưởng khác nhau. Tuy nhiên, trong thực tế việc phân định rõ đâu là nguyên nhân, đâu là điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản là việc làm khó khăn, phức tạp. Bởi lẽ, điều kiện dẫn đến tình hình tội trộm cắp tài sản cũng là các hiện tượng xã hội tiêu cực, nhưng khác với nguyên nhân ở chỗ điều kiện không làm phát sinh ra tội phạm mà nó chỉ tạo ra các hoàn cảnh thuận lợi cho sự hình thành, tồn tại và phát triển của tình hình tội trộm cắp tài sản. Trong thực tiễn cũng như trong lý luận, giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm trong một số trường hợp đối với hiện tượng tội phạm này là nguyên nhân nhưng đối với hiện tượng tội phạm khác lại là điều kiện. Ví dụ, với xu thế hội nhập quốc tế một cách mạnh mẽ và sâu rộng kéo theo kinh tế - xã hội phát triển thì đòi hỏi người lao động phải có trình độ và tay nghề cao hơn. Tuy nhiên, trên thực tế một bộ phận không nhỏ người lao động không đáp ứng được yêu cầu công việc và đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng không có việc làm, nhiều người thất nghiệp tụ tập ăn chơi, rượu chè bê tha, đời sống khó khăn là điều kiện rất thuận lợi để tội trộm cắp tài sản xảy ra.

Tóm lại, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản là hai phạm trù khác nhau, giữ vai trò khác nhau trong việc sinh ra kết quả là tình hình tội trộm cắp tài sản. Thế nhưng trong lĩnh vực xã hội nói chung và tội phạm học nói riêng, sự phân biệt đâu là nguyên nhân, đâu là điều kiện chỉ mang tính chất tương đối. Hơn nữa, trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm lại luôn luôn đòi hỏi

phải loại trừ cả những gì thuộc về nguyên nhân và cả những gì thuộc về điều kiện làm phát sinh tình hình tội trộm cắp tài sản.

1.2.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản

Nghiên cứu các công trình đã công bố về cơ chế hành vi phạm tội [Võ Khánh Vinh (2011), “Tội phạm học”, NXB Công an nhân dân; Phạm Văn Tình (1996), “Cơ chế hành vi phạm tội - cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm” cho phép rút ra những kết luận về quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội trộm cắp tài sản và quá trình kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, để từ đó phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản. Sau đây chúng tôi xin trình bày các nguyên nhân và điều kiện cho tình hình tội trộm cắp tài sản theo hai nhóm: nguyên nhân, điều kiện khách quan và nguyên nhân, điều kiện chủ quan.

1.2.2.1. Nguyên nhân và điều kiện khách quan

a. Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi nuôi dưỡng con người, hình thành và phát triển nhân cách và là trường học đầu tiên của mỗi cá nhân. Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng đối với việc hình thành những đặc điểm nhân thân của con người. Một đứa trẻ nếu được sống trong môi trường gia đình chuẩn mực, các bậc cha mẹ và những thành viên trong gia đình luôn dành thời gian quan tâm, chăm sóc, chú trọng giáo dục nhân cách cho trẻ, hướng trẻ đến lối sống lành mạnh thì sẽ hạn chế việc hình thành các đặc điểm nhân cách lệch lạc của cá nhân. Ngược lại, sống trong môi trường gia đình không chuẩn mực thì sẽ có những ảnh hưởng, tác động xấu đến hình thành nhân cách lệch lạc của cá nhân. Do đó, việc xây dựng và củng cố gia đình Việt Nam truyền thống, văn hóa có tác động mạnh mẽ trong việc hình thành và hoàn thiện nhân cách ở trẻ em.

Khi nghiên cứu về môi trường gia đình của người phạm tội trộm cắp tài sản, nổi lên một số vấn đề:

- Cha mẹ người phạm tội đã có những thiếu sót trong việc quản lý, giáo dục con cái. Các bậc cha mẹ và những người lớn tuổi trong gia đình ít dành thời gian

quan tâm đến con em mình mà mãi mê lo đến việc kiếm tiền. Họ thường có suy nghĩ cho rằng, khi họ kiếm được nhiều tiền sẽ chăm lo cho con cái có được một cuộc sống đầy đủ về vật chất mà quên đi việc nuôi dưỡng tình cảm, tinh thần cho trẻ. Cũng vì mãi mê lo cho cuộc sống kinh tế của gia đình nên các bậc cha mẹ thường thoái thác việc giáo dục con cái, phó mặc cho nhà trường và xã hội. Khi phát hiện con em có những biểu hiện lệch lạc, sai trái đã không kịp thời kiểm tra, theo dõi, uốn nắn, nhắc nhở, thậm chí có các bậc cha mẹ còn có hành vi dung túng hoặc cổ vũ cho các hành vi sai trái. Các thành viên trong gia đình không thống nhất, mỗi người có cách nghĩ riêng, việc đồng tình hay lên án những hành vi sai phạm không rõ ràng dẫn đến các con, em mắc lỗi lầm có sửa chữa hay không cũng không sao. Từ đó, dẫn đến việc hình thành ở các em tính tự do, chơi bời lêu lổng, thích tụ tập bạn bè dẫn đến tiêm nhiễm những thói hư, tật xấu, các tệ nạn xã hội.

- Gia đình có cha mẹ hoặc các thành viên khác không gương mẫu trong lối sống. Những người phạm tội trộm cắp tài sản thuộc những gia đình thường hay có các hành vi xem thường tài sản của người khác, không tuân thủ các quy định của pháp luật, gia đình có người thân phạm tội... Chính sự tác động ở các mặt tiêu cực của những người lớn trong gia đình ảnh hưởng xấu tới con, em họ, dẫn đến hình thành những đặc điểm nhân cách lệch lạc. Bởi vậy, tạo lập một gia đình văn hóa, chuẩn mực, đạo đức sẽ có ý nghĩa rất to lớn trong giáo dục, xây dựng, hình thành nhân cách tốt cho thanh, thiếu niên.

- Gia đình chưa có phương pháp giáo dục con em hợp lý, thiếu khoa học như quá chiều chuộng hoặc quá hà khắc với con cái; không bắt con cái làm những nghĩa vụ nhất định phù hợp với khả năng của chúng dẫn tới chúng thường ỷ lại, lười lao động, ích kỷ, hay đua đòi, coi thường bố mẹ và những người thân khác. Một số gia đình còn có hành vi đối xử hà khắc, thô bạo hay đánh đập, mắng chửi, hắt hủi con cái, không tôn trọng con cái, làm cho chúng xa lánh, sợ hãi, trốn nhà, bỏ học đi lang thang bị bạn bè xấu rủ rê, bị những kẻ tội phạm lôi kéo vào con đường phạm tội.

Ngay trong gia đình, việc đối xử không công bằng đối với con cái, trọng nam, khinh nữ... cũng dẫn đến các em có tư tưởng tiêu cực trong cuộc sống, bị mặc cảm

cho rằng mình là người thừa, từ đó bỏ nhà đi lang thang, dẫn đến vi phạm pháp luật. Sự thiếu thống nhất về quan điểm giáo dục con cái giữa cha mẹ cũng dẫn đến tình trạng bỏ rơi con cái, làm con cái hư hỏng, muốn làm gì thì làm, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta.

Gia đình thiếu khuyết như cha mẹ ly hôn, mất cha hoặc mẹ, mất cả cha lẫn mẹ cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc hình thành nhân cách của con cái. Điều rõ nhất có thể nhận thấy ở các gia đình này là thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục từ cha mẹ đối với con cái. Từ đó, dẫn đến việc các em không định hướng được hoặc thiếu sự định hướng trong cuộc sống. Mặt khác, do thiếu thốn tình cảm thường hay nảy sinh tâm lý tự ty, dẫn đến tính tình bất thường, gặp phải điều kiện bất lợi trong cuộc sống sẽ dễ dẫn đến việc bị người khác lợi dụng, lôi kéo vào con đường phạm tội.

b. Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Môi trường nhà trường cũng có tác động rất lớn đến việc hình thành và phát triển nhân cách của con người. Thông qua môi trường này, con người được phát triển một cách đầy đủ về nhân cách, tri thức và trí tuệ. Con người không ngừng học hỏi, trau dồi kiến thức, khám phá thế giới xung quanh. Vì thế, nếu môi trường nhà trường tồn tại nhiều yếu tố không lành mạnh thì sẽ làm phát sinh những đặc điểm nhân thân xấu của con người. Những nhân tố không lành mạnh này đã gián tiếp góp phần tạo nên tình trạng phạm tội, đó là:

- Nhà trường cũng như các thầy, cô giáo thiếu sự quan tâm đến học sinh, sinh viên. Vì lý do kinh tế gia đình hoặc vì phải chạy theo thành tích giảng dạy mà nhiều thầy, cô giáo đã không quan tâm đến chất lượng giảng dạy. Nhiều học sinh, sinh viên có học lực yếu, kém hoặc có hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng không được sự quan tâm của các thầy giáo, cô giáo nên các em dễ tự ti, xa lánh bạn bè có cảm giác chán nản, lười biếng học tập, trốn học, bỏ học.

- Nội dung giảng dạy ở các trường chưa phù hợp với tình hình thực tế, còn nặng về lý thuyết mà chưa có sự đầu tư thỏa đáng, đúng mức cho việc rèn luyện các kỹ năng sống nên chưa gây hứng thú, say mê học tập, chưa xây dựng cho các em

cách nhìn nhận, đánh giá và kỹ năng xử lý các vấn đề xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, chưa xây dựng được nếp sống, làm việc theo pháp luật và chưa có định hướng nghề nghiệp, tương lai cho các em một cách thiết thực nhất.

- Kỷ luật nhà trường còn lỏng lẻo, không nghiêm, việc xử lý những biểu hiện sai trái, vi phạm trong học sinh, sinh viên còn chưa triệt để, thiếu sự kiên quyết, cứng rắn dẫn đến những hiện tượng tiêu cực trong nhà trường có nguy cơ lan rộng. Nhiều hiện tượng tiêu cực trong nhà trường tồn tại như: Mua điểm, chạy điểm... Điều này sẽ ảnh hưởng, dẫn đến việc suy giảm, thậm chí mất niềm tin vào sự công bằng trong nhà trường, làm cho một số em chán nản, sa sút học hành, dễ bị lôi kéo tham gia vào các hoạt động tiêu cực, không lành mạnh.

- Một số ít thầy giáo, cô giáo trong nhà trường không gương mẫu trong lối sống, thiếu đạo đức trong việc hành xử với học sinh, sinh viên như dùng những lời lẽ thiếu văn hóa, chửi thề, thậm chí còn dùng cả bạo lực như đánh đập, dọa nạt học sinh tạo cho các em tâm lý hoang mang, lo sợ, chán nản, thù hằn, không nghe lời thầy giáo, cô giáo.

c. Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhóm (bạn bè; nơi làm việc)

Môi trường bạn bè, nơi làm việc ít nhiều cũng chứa đựng một số yếu tố tiêu cực trong công tác, lối sống, giao tiếp... ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách lệch chuẩn mực xã hội. Phẩm chất tâm lý tốt xấu của người phạm tội là do học hỏi, tiếp thu hoặc bị ảnh hưởng từ môi trường bạn bè. Đặc biệt là vai trò của cơ quan, đoàn thể nơi làm việc trong công tác giáo dục, quản lý có lúc, có nơi còn chưa đi vào kỷ cương, nề nếp. Tất cả những tồn tại đó đã và đang tác động không nhỏ làm ảnh hưởng tới việc thực hiện các hành vi phạm tội của một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

d. Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội vĩ mô trong đó với Nhà nước là chủ thể quản lý.

** Do tác động của nền kinh tế thị trường*

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ và sâu rộng, một bộ phận dân cư do không thích ứng kịp với cơ chế thị trường, không có vốn, do bị phá sản,

thất nghiệp đã trở nên nghèo đói, bần cùng. Đối với những người này, nếu không thích nghi, không vượt lên được trong cơ chế thị trường thì dễ sa ngã vào các tệ nạn xã hội. Xu thế hội nhập cũng đòi hỏi phải mở rộng giao lưu, hợp tác kinh tế giữa nước ta với các nước khác trên thế giới đã kéo theo sự tác động tiêu từ bên ngoài vào nước ta như lối sống thực dụng, xem đồng tiền là tất cả và nhất là các loại văn hóa độc hại như: Phim ảnh, game kích động bạo lực, đồi trụy dễ dẫn họ đến con đường tội phạm, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài.

* Do hạn chế của Nhà nước trong các khâu quản lý trên các lĩnh vực

Những yếu tố tiêu cực trong việc quản lý trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, dân sự liên quan trực tiếp đến 5 nhóm quyền con người mà Nhà nước có trách nhiệm tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ. Quyền con người về mặt chính trị đã được Nhà nước ta đã ghi nhận trong Hiến pháp 2013 và nhiều văn bản luật, dưới luật khác, nhiều giá trị tiến bộ của nhân loại về quyền con người trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội quy định trong các điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên đã được thừa nhận và từng bước được nội luật hoá. Tuy nhiên, một số quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp quy định chưa có luật cụ thể hoá để thực hiện. Còn thiếu một số văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh những vấn đề bức xúc mà thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm đặt ra như: Luật bảo vệ người tố giác và nạn nhân của tội phạm... Vấn đề dân chủ đã được Đảng ta quan tâm, chỉ đạo, được triển khai sâu rộng tại các xã, phường, thị trấn đã có những bước chuyển biến tích cực và trở thành động lực cho quá trình phát triển tất cả các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội của cơ sở. Song, vấn đề dân chủ nhiều nơi, nhiều lúc còn mang tính hình thức. Do đó, đôi khi người dân mất niềm tin vào Nhà nước, thể hiện là khi phát hiện tội phạm xảy ra nhưng họ không muốn tố giác tội phạm hoặc họ bất chấp pháp luật, dẫn đến việc họ đi vào con đường phạm tội.

Những hạn chế, yếu kém trong quản lý điều hành của chính quyền ở một số lĩnh vực còn lỏng lẻo, kém hiệu quả: Chất lượng cán bộ, công chức ở một số nơi, đơn vị còn yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý nhà nước hiện nay, hiện tượng tiêu cực trong tuyển dụng cán bộ, công chức vẫn còn tồn tại và vẫn còn nhiều bất

cấp, dẫn đến tình trạng người làm được việc thì ít, người không làm được việc thì nhiều, việc phải cắt giảm biên chế chưa được thực hiện nghiêm chỉnh và đã ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đến sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Đặc biệt là việc thực hiện chính sách, pháp luật chưa triệt để, chưa công bằng, minh bạch đã gây bức xúc trong dư luận xã hội và trong nhân dân, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước và đối với pháp luật.

Chính sự quản lý yếu kém của Nhà nước làm cho nhiều người không có việc làm, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng gia tăng làm phát sinh tình trạng trộm cắp tài sản ngày càng gia tăng.

e. Một số nguyên nhân và điều kiện khách quan khác

Thứ nhất, sự yếu kém của các cơ quan chức năng trong việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm. Các cơ quan thực hiện quyền tư pháp, trước hết là cơ quan Công an. Đối với cơ quan Công an có thể là do thái độ của một số cán bộ khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội trộm cắp tài sản từ phía người bị hại đã không có thái độ đúng mực, thờ ơ, thiếu trách nhiệm, gây phiền hà về thủ tục trình báo làm ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý người bị hại. Hơn nữa, nhiều trường hợp tội phạm xảy ra ở những địa điểm giáp ranh giữa các địa bàn xã, phường, thị trấn, lại do bệnh thành tích mà nhiều trường hợp cơ quan Công an đùn đẩy trách nhiệm tiếp nhận thông tin tố giác, tin báo về tội phạm, dẫn đến người bị hại cảm thấy quá phiền hà, phức tạp nên không báo tin tội phạm nữa.

Thứ hai, sự thờ ơ của môi trường xã hội bên ngoài, tức là tính tích cực của người dân thấp, thái độ thờ ơ, thiếu quan tâm của các thành viên trong xã hội, chỉ biết sống cho riêng mình, sợ va chạm, sợ bị trả thù, sống khép kín, lối sống thực dụng theo chủ nghĩa cá nhân đã tạo điều kiện cho những cái xấu, cái ác tồn tại. Đặc biệt là các băng nhóm có cơ hội nổi lên để thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Trong đó, hành vi trộm cắp tài sản xảy ra lại có yếu tố tiêu cực từ người bị hại, người làm chứng vì khi cơ quan Công an không biết tội phạm đã xảy ra để tiến hành điều tra, xử lý, thì nạn nhân, người làm chứng, vì một lý do nào đó mà không tố cáo hành vi phạm tội. Bởi lẽ, tâm lý người phạm tội về mặt chủ quan bao giờ cũng

ngoan cố và che giấu hành vi phạm tội của mình, cho nên số vụ tự thú trong các tội trộm cắp tài sản hầu như là không có. Việc không trình báo với cơ quan Công an của người bị hại cũng có thể xuất phát từ nhiều lý do khác nhau như do người bị hại đã tìm được tài sản, người bị hại và người phạm tội hoặc gia đình người phạm tội có quen biết nhau nên khi phát hiện sự việc người phạm tội đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho người bị hại và để giữ tình làng nghĩa xóm nên người bị hại không trình báo.

Thứ ba, các nguyên nhân khách quan khác bên ngoài môi trường sống cũng tác động làm gia tăng tội trộm cắp tài sản. Thời gian và địa điểm là hai yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong nhiều trường hợp phạm tội. Chẳng hạn như tội trộm cắp tài sản thường diễn ra vào ban đêm, vào những khoảng thời gian mà nạn nhân thường hay nghỉ ngơi sau một khoảng thời gian hay một ngày lao động mệt mỏi, vất vả, ở những nơi vắng người, những dịp lễ hội tụ tập đông người.

1.2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Khi nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói chung, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản nói riêng, ngoài việc chú trọng đến các nguyên nhân và điều kiện từ môi trường sống cũng cần phải nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện từ phía người phạm tội. Bởi lẽ, tội phạm có tính cá nhân và tính xã hội. Do đó, khi nghiên cứu nguyên nhân từ phía người phạm tội sẽ giúp cho ta thấy được những dấu hiệu đặc trưng nào của người phạm tội có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm. Chính những dấu hiệu này lý giải vì sao trong cùng điều kiện, hoàn cảnh sống như nhau nhưng có người có nguy cơ cao trở thành người phạm tội, còn người khác lại không. Thực tế cho thấy ý thức và lối sống cá nhân cũng là một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn tới việc thực hiện hành vi phạm tội.

- Những tiêu cực thuộc ý thức cá nhân

Do nhận thức pháp luật kém, có thể do chủ thể chưa được phổ biến, giáo dục pháp luật, thiếu hiểu biết về pháp luật. Con người do có trình độ học vấn khác nhau thì sẽ nhận thức và hiểu biết pháp luật khác nhau. Mặc dù rất nhiều năm Đảng và

Nhà nước luôn xem giáo dục là quốc sách hàng đầu và không ngừng đầu tư cơ sở vật chất, cải tiến các chương trình học để nâng cao nhận thức và hiểu biết của nhân dân. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay đa phần người dân không hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của bản thân, không hiểu hết nội dung các quy định pháp luật, do đó sẽ dễ hình thành nên ý thức cá nhân kém và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh hành vi phạm tội.

Do hiểu biết lệch lạc, mơ hồ về pháp luật, do nhận thức không đúng về quy định pháp luật cũng như bản chất sự việc dẫn đến hành vi phạm tội.

Xem thường các nghĩa vụ: Một số bộ phận người dân chưa có thói quen sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, thậm chí có người còn xem pháp luật như một sự trói buộc, thực hành lối sống và hành vi đi ngược lại với pháp luật, với đạo đức xã hội. Một bộ phận người dân luôn có tâm lý tiêu cực, cùng với nhận thức sai lệch về những chuẩn mực xã hội, pháp luật và các giá trị đạo đức khác, nhận thức còn bị hạn chế, cổ hủ, nông cạn trong phân tích, đánh giá các sự kiện tác động của xã hội, có ý thức và hành vi xem thường sở hữu tài sản của người khác, có các quan niệm sai trái, lệch lạc về quyền và bổn phận; từ đó có những hành vi lệch chuẩn dẫn đến phạm tội, xâm phạm sở hữu trong đó có tội trộm cắp tài sản.

- Những biểu hiện tiêu cực trong nhu cầu, lối sống cá nhân

Nhu cầu là một phần tất yếu trong đời sống con người. Nhu cầu được hình thành và đòi hỏi phải ngày càng phong phú, đa dạng và biến đổi trong quá trình xã hội hóa của cá nhân. Nhưng khi những yếu tố tiêu cực của môi trường sống tác động đến nhu cầu của con người sẽ làm biến đổi những nhu cầu này theo chiều hướng tiêu cực. Lối sống ăn chơi, đua đòi, thích hưởng thụ, ỷ lại, lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng, thích tụ tập, xem phim, ảnh, chơi game, sự đòi hỏi quá cao về nhu cầu trong lối sống và trong sinh hoạt của một số người không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của gia đình và bản thân. Ngoài ra, họ còn không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, có lối sống ích kỷ, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, muốn kiếm được đồng tiền một cách dễ dàng nhưng lại lười lao động... Đó đều là những biểu hiện của lối sống tiêu cực.

- Yếu tố nạn nhân: Nạn nhân là một thành tố của cơ chế hành vi phạm tội. Vì trong số các nhân tố thuộc về môi trường thì nạn nhân là nhân tố phổ biến nhất và hầu hết các tội phạm xảy ra đều có nạn nhân, đặc biệt là đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu tài sản của con người mà đặc biệt là tội trộm cắp tài sản thì nạn nhân đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định hành vi phạm tội xảy ra trên thực tế.

Theo Tiến sĩ Trần Hữu Tráng thì “Nạn nhân của tội phạm là những cá nhân, tổ chức phải chịu những hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần, tình cảm hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác mà những hậu quả thiệt hại này do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra” [34, tr.19].

Những nạn nhân có hành vi để tài sản mà không trông coi tạo điều kiện thuận lợi hoặc thúc đẩy thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Như vậy, giữa hành vi, xử sự của nạn nhân với hành vi phạm tội có mối quan hệ với nhau. Hành vi phạm tội của nạn nhân là một trong những yếu tố có tác dụng làm thúc đẩy, phát sinh tội phạm. Vì vậy, khi nghiên cứu các nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản thì cần xem xét vai trò của nạn nhân, nhất là nhân thân và hành vi của nạn nhân trong cơ chế hành vi phạm tội.

Đối với tội trộm cắp tài sản, nạn nhân thường có đặc trưng bởi những hành vi đặc thù như: Nạn nhân để tài sản ở những nơi không có người trông giữ, không đóng, khóa cửa cẩn thận khi đi ra khỏi nhà, cất giữ tài sản có giá trị lớn ở những nơi không đảm bảo an toàn.... Những hành vi này trong nhiều trường hợp chính là nguyên nhân hình thành ý định trộm cắp tài sản.

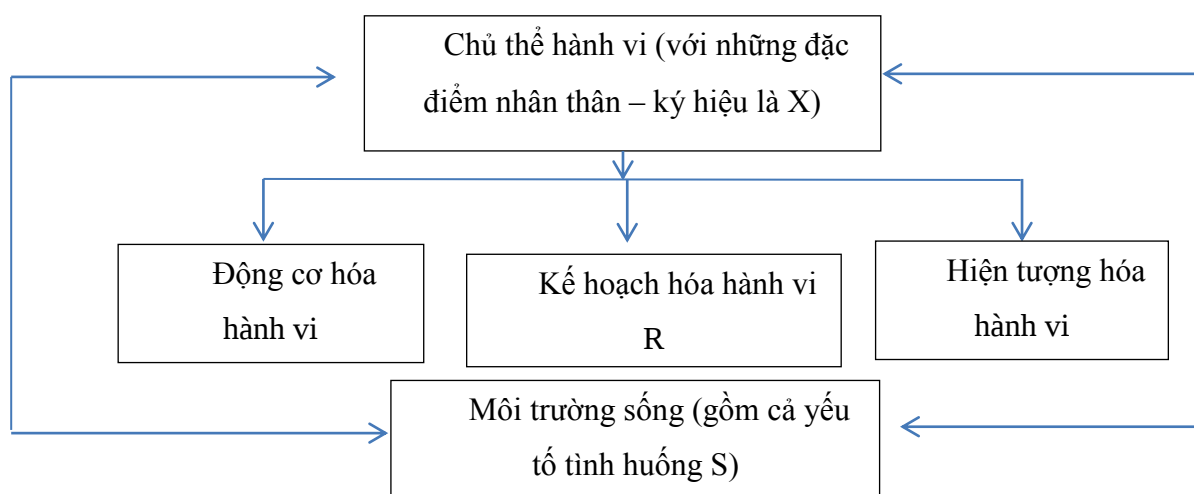
1.3. Cơ chế tác động và mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản với tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội và phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản

1.3.1. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản

Từ khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản đã phân tích tại tiểu mục 1.2.1 cho thấy, hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trên thực tế luôn là kết quả của sự tác động qua lại giữa các yếu tố thuộc môi trường xã hội bên

ngoài và các yếu tố tâm, sinh lý tiêu cực xuất phát từ cá nhân người phạm tội. Sự tác động này diễn ra theo một cơ chế nhất định được gọi là cơ chế hình thành hành vi phạm tội. Cơ chế này vận hành theo công thức S-X-R, trong đó S là các yếu tố thuộc môi trường (kích thích khách thể), X là yếu tố tâm, sinh lý con người (kích thích phương tiện), R là hành động trả lời các kích thích đó (hành vi phạm tội).

Cơ chế hành vi phạm tội được PGS.TS Phạm Văn Tĩnh mô hình hóa như sau:



Thực tiễn cho thấy, tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng phát sinh trong đời sống xã hội là do nhiều yếu tố và các yếu tố này tác động lẫn nhau. Bởi lẽ, tội phạm là một hiện tượng vừa có tính xã hội, vừa có tính cá nhân. Với tính chất là một hiện tượng xã hội, tội phạm chịu sự tác động của nhiều hiện tượng và quá trình xã hội khác nhau. Mặt khác, tội phạm lại là hành vi của con người cụ thể nên nó phải chịu sự tác động, chi phối bởi các yếu tố thuộc chính con người thực hiện tội phạm đó.

Như vậy, mọi tội phạm chỉ phát sinh khi có sự tác động qua lại giữa các yếu tố thuộc môi trường xã hội và các yếu tố tâm, sinh lý xã hội thuộc cá nhân người thực hiện hành vi phạm tội. Vì thế, cho dù yếu tố thuộc môi trường xã hội bên ngoài có thuận lợi đến mấy cho việc thực hiện tội phạm nhưng nếu ở bản thân con người không có những yếu tố tâm, sinh lý tiêu cực, lệch lạc thì tội phạm khó có thể xảy ra. Ngược lại, một người dù có phẩm chất cá nhân tiêu cực, có ý thức chống đối xã hội nhưng không có những yếu tố bên ngoài môi trường xã hội tác động thì chưa chắc

họ đã thực hiện hành vi phạm tội. Vấn đề này, người nghiên cứu hoàn toàn đồng tình với quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh khi cho rằng: *“Những yếu tố của môi trường bên ngoài hay những quá trình tâm sinh lý bên trong con người, dù ở mức độ bất lợi và xấu như thế nào đi chăng nữa tự nó đều không phải là nguyên nhân của hành vi phạm tội cụ thể, mà phải là sự tương tác, kết hợp cả hai yếu tố đó mới trở thành nguyên nhân của tội phạm cụ thể”* [44, tr. 113].

1.3.2. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản với tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội và phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản

1.3.2.1. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản với tình hình tội trộm cắp tài sản

Đây là mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả. Tình hình tội phạm nói lên bức tranh tổng thể về tội trộm cắp tài sản trong một khoảng thời gian và không gian xác định, biểu hiện qua mức độ, cơ cấu, diễn biến, tính chất của nó. Còn nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản là cái sinh ra kết quả (tình hình tội phạm), nên nguyên nhân và điều kiện luôn luôn có trước kết quả, hay kết quả chỉ xuất hiện sau khi nguyên nhân xuất hiện và bắt đầu tác động thúc đẩy để kết quả xảy ra.

Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện để làm cơ sở giải thích về tình hình tội phạm đang diễn ra, đó là cơ sở thực tế để xác định những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, tình hình tội xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản nói riêng.

1.3.2.2. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản với nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản

Nhân thân người phạm các tội xâm phạm sở hữu cụ thể là tội trộm cắp tài sản tức là người có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị Bộ luật hình sự quy định là tội trộm cắp tài sản được hiểu là tổng thể tất cả các dấu hiệu, đặc điểm có ý nghĩa về mặt xã hội, trong sự kết hợp với các điều kiện và hoàn cảnh

bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của người đó. Như dấu hiệu, đặc điểm về sinh học, tâm lý, văn hóa, nghề nghiệp...

Việc phân tích các nguyên nhân và điều kiện của tình hình trộm cắp tài sản chỉ ra rằng không thể nhận thức, hiểu biết được các nguyên nhân và điều kiện đó nếu thiếu việc cân nhắc nhân thân người phạm tội, bản chất, các đặc điểm và quá trình hình thành nó. Nhân thân người phạm tội là một bộ phận cấu thành tất yếu và rất quan trọng của cơ chế hành vi phạm tội, còn các hoàn cảnh của sự hình thành các đặc điểm tâm lý – xã hội tiêu cực của cá nhân xuất hiện trước các đặc điểm của cá nhân và nằm trong mối quan hệ nhân quả với tình hình tội trộm cắp tài sản, đó là các yếu tố thuộc môi trường sống. Do vậy, việc nghiên cứu nhân thân những người phạm tội trên cơ sở của sự khái quát các nguyên nhân và tính chất của các hành vi phạm tội trộm cắp tài sản đối với những trường hợp cụ thể cho phép rút ra những nhân tố phạm tội chung, giải thích được những thay đổi trong thực trạng, cơ cấu, động thái của tình hình tội phạm có liên quan với những thay đổi trong các đặc điểm của những người phạm tội.

Từ đó có thể thấy nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu, ở đây cụ thể là tội trộm cắp tài sản, tạo cơ sở cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình trộm cắp tài sản, đặc biệt là nhóm nguyên nhân và điều kiện từ phía người phạm tội.

1.3.2.3. Mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản với phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản

Việc phòng ngừa tình hình tội phạm là hệ thống nhiều mức độ các biện pháp mang tính chất Nhà nước – xã hội nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm hoặc làm vô hiệu hóa (làm yếu, hạn chế) chúng và bằng cách đó làm giảm và dần dần loại bỏ tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Chính vì vậy, việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm trộm cắp tài sản là bước đầu, là cơ sở để tiến tới việc đề ra các giải pháp phòng ngừa tội trộm cắp tài sản.

Lý luận cơ bản về phòng ngừa tội trộm cắp tài sản không xác định các biện pháp phòng ngừa cụ thể mà chỉ đưa ra những chỉ dẫn có tính nguyên tắc nhằm định hướng cho việc nghiên cứu, đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm trên cơ sở khảo sát, đánh giá tình hình tội phạm và xác định nguyên nhân, điều kiện của tội trộm cắp tài sản trong phạm vi không gian và thời gian nhất định. Tội trộm cắp tài sản phát sinh là do còn tồn tại nhiều nguyên nhân nhất định. Muốn ngăn ngừa tội phạm xảy ra chúng ta cần tác động đến nguyên nhân của hiện tượng này. Nguyên nhân của tình hình tội trộm cắp tài sản được hiểu một cách khái quát nhất là “sự tương tác giữa phẩm chất tâm lý tiêu cực của chủ thể và môi trường sống tiêu cực nhất định”. Như vậy, các biện pháp phòng ngừa cần hướng tới cả con người và cả môi trường xã hội nhằm thay đổi phẩm chất tâm lý tiêu cực của con người và tình huống tiêu cực của môi trường sống theo hướng tích cực. Tác động tới con người theo những phương tiện và phương thức khác nhau là cần thiết nhưng cũng quan trọng không kém là phải tác động vào môi trường sống tiêu cực, điều mà đôi khi chúng ta còn bỏ nhẹ. Môi trường sống vừa có ảnh hưởng đến hình thành nhân cách vừa có vai trò là thành tố tương tác với con người tạo nên nguyên nhân của tình hình tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng.

Kết luận chương 1

Ở chương này tác giả tập trung phân tích, luận giải những vấn đề lý luận chung về khái niệm, ý nghĩa, phân loại, tìm hiểu cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản, mối quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản với tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội và phòng ngừa tình hình trộm cắp tài sản. Từ việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình trộm cắp tài sản cho ta thấy sự tác động qua lại giữa các yếu tố môi trường sống và các yếu tố thuộc chủ thể hành vi phạm tội; để từ đó cho thấy phòng ngừa tội phạm có hiệu quả phải ngăn chặn và đẩy lùi các yếu tố tiêu cực này.

Các yếu tố tiêu cực là nguyên nhân và điều kiện của tình hình trộm cắp tài sản kể cả trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống. Môi trường gia đình, nhà trường, bạn bè và môi trường xã hội với Nhà nước là chủ thể quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang vẫn còn chứa đựng những yếu tố không lành mạnh trong việc hình thành nhận thức, tình cảm đối với pháp luật, đối với đạo đức truyền thống đã có những tác động trong việc hình thành ý thức xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác.

Thứ hai, những yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể của hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Xuất phát từ những nhận thức không đúng trong ý thức tôn trọng tài sản của người khác, kết hợp với những nhu cầu, sở thích không lành mạnh của người phạm tội đã dẫn đến hình thành động cơ thực hiện hành vi phạm tội, tiếp sau đó là quá trình kế hoạch hóa và thực hiện hóa hành vi.

Thứ ba, yếu tố tiêu cực từ phía nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu mà đặc biệt là tội trộm cắp tài sản đã tạo ra điều kiện nhất định để xảy ra hành vi phạm tội. Nạn nhân của các tội phạm này chưa có nhận thức đúng về việc bảo vệ tài sản của mình. Sự quản lý tài sản một cách lỏng lẻo, để tài sản ở những nơi không có người trông giữ cũng là những yếu tố tiêu cực từ phía nạn nhân của tội này.

Chương 2

NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

2.1. Diễn biến tình hình tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015

Diễn biến tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (từ năm 2011 đến năm 2015) được biểu diễn qua phương pháp so sánh định gốc.

Tại bảng 2.1 ta thấy nếu lấy năm 2011 làm gốc, tức là tỷ lệ số vụ án và số bị cáo năm 2011 đều là 100% thì đến năm 2012 tỷ lệ số vụ án xu hướng tăng (năm 2012 tăng lên hơn hai lần 219,3% số vụ và số bị cáo tăng gấp hơn hai lần là 227,6% số bị cáo) và năm 2013 tăng 203,5% số vụ, 209,5% số bị cáo), năm 2014 tăng lên 171,9% số vụ, 157,1% số bị cáo và năm 2015 tăng 208,8% số vụ, 179,1% số bị cáo). Một cách rõ ràng hơn để nhận xét về xu hướng của diễn biến tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (từ năm 2011 đến năm 2015) là thông qua phương pháp định gốc giai đoạn 03 năm như tại bảng 2.1 ta thấy giai đoạn 2011-2013 với tỷ lệ số vụ, số bị cáo là 100% thì đến giai đoạn 2013-2015 tỷ lệ này đã tăng lên 111,7% số vụ và 101,6% số bị cáo. Có thể nhận xét rằng tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2013-2015 tăng nhẹ so với giai đoạn 2011-2013.

Bảng 2.1: *Diễn biến tình hình các tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 (so sánh định gốc)*

Năm	Số vụ	Số bị cáo	Phần trăm số vụ (%)	Phần trăm số bị cáo (%)
2011	57	105	100	100
2012	125	239	219,3	227,6
2013	116	220	203,5	209,5
2014	98	165	171,9	157,1
2015	119	188	208,8	179,1
Giai đoạn 03 năm	Số vụ	Số bị cáo	Phần trăm số vụ (%)	Phần trăm số bị cáo (%)
2011-2013	298	564	100	100
2013-2015	333	573	111,7	101,6

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015) [32]

2.2. Cơ cấu của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

2.2.1. Cơ cấu của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Cơ cấu tình hình tội phạm là tỷ trọng, mối tương quan của các nhóm tội, loại tội trong một chính thể chung tổng hợp các tội phạm sẽ xảy ra trong một địa bàn cùng một khoảng thời gian nhất định.

Cơ cấu của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang phản ánh qua các chỉ số cơ bản:

Tỷ trọng tội trộm cắp tài sản trong tổng số tội phạm:

Bảng 2.2. *Tỷ lệ tội trộm cắp tài sản trong tổng số tội phạm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*

Năm	Tổng số vụ án xảy ra	Số vụ án trộm cắp tài sản	Tỷ lệ (%)
2011	209	57	27,27
2012	398	125	31,41
2013	416	116	27,88
2014	412	98	23,79
2015	408	119	29,17
Tổng	1.843	515	27,94

(Nguồn: Số liệu từ Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang) [32]

Căn cứ vào số liệu thống kê ở bảng 2.2 thì tỷ lệ của tội trộm cắp tài sản so với tổng số tội phạm chiếm tỷ lệ tương đối cao, 27,94%. Điều này cho thấy tội trộm cắp tài sản có mức độ phổ biến tương đối cao. Mặt khác, qua bảng số liệu thống kê ta thấy tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang tuy có tăng giảm theo từng năm nhưng luôn giữ ở mức ổn định, không có sự thay đổi, chênh lệch lớn. Nếu tính riêng năm 2012 là năm có tỷ lệ số vụ án trộm cắp tài sản cao nhất với 31,41% và năm 2014 có tỷ lệ số vụ án trộm cắp tài sản thấp nhất là 23,79%.

Bảng 2.3. So sánh tương quan giữa tội trộm cắp với các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn (từ năm 2011 đến năm 2015)

Năm	Tội trộm cắp tài sản		Các tội xâm phạm sở hữu đã xét xử		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ án	Số người phạm tội	Số vụ án	Số người phạm tội	Số vụ án	Số người phạm tội
2011	57	105	86	176	66,28	59,66
2012	125	239	191	416	65,44	57,45
2013	116	220	171	311	67,83	70,74
2014	98	165	145	389	67,58	42,42
2015	119	188	178	272	66,85	69,12
Tổng	515	917	771	1.564	56,16	58,63

(Nguồn: Số liệu từ Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang) [32]

Theo số liệu thống kê ở bảng 2.3 thì tỷ lệ của tội trộm cắp tài sản trong tổng số các tội xâm phạm sở hữu biến đổi không ổn định qua các năm trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015. Cụ thể trong năm 2011 số vụ trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ 59,66% trong tổng số tội xâm phạm sở hữu, năm 2012 tỷ lệ tội trộm cắp tài sản lại giảm xuống 57,45%, năm 2013 tỷ lệ này lại tăng lên và chiếm tỷ lệ rất cao 70,74% (cao nhất trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015), đến năm 2014 tỷ lệ này lại bất ngờ giảm xuống 42,42% (thấp nhất trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015) và đến năm 2015 lại tiếp tục tăng cao đến 69,12% so với tổng số vụ xâm phạm sở hữu.

Bảng 2.4. Cơ cấu của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo loại tội phạm

Năm	Loại tội phạm				Hình phạt	
	Ít nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Rất nghiêm trọng	Đặc biệt nghiêm trọng	Tù có thời hạn	Nhẹ hơn tù
2011	88	13	4	0	79	26
2012	193	38	7	1	187	52
2013	173	36	11	0	186	34
2014	124	32	9	0	156	9
2015	161	23	3	1	161	27
Tổng	735	146	34	2	769	148
Tỷ lệ (%)	80,15	15,92	3,7	0.21	83,86	16,14

(Nguồn: Số liệu từ Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang) [32]

** Cơ cấu của tình hình tội trộm cắp tài sản xét theo công cụ, phương tiện, thời gian, địa điểm phạm tội*

Về công cụ, phương tiện phạm tội, như đã phân tích ở phần đầu đề tài ta có thể thấy tội trộm cắp tài sản là loại tội phạm có tính chất chiếm đoạt, thực hiện do lỗi cố ý, mong muốn chiếm đoạt tài sản mà không bị phát hiện. Nhưng để thực hiện việc phạm tội mà không phát hiện thì người phạm tội cần phải có sự chuẩn bị phạm tội như: chuẩn bị công cụ, phương tiện, rủ rê đồng bọn, phân công, chỉ thị công việc cho từng đối tượng và cuối cùng là phương án tiêu thụ tài sản trộm cắp, đáng chú ý là những công cụ, phương tiện thường dùng như: kềm, kéo, dao, chìa khóa mở xe đa năng, xe gắn máy, xuồng, ghe... đặc biệt có thêm thêm công cụ mới là Axit với những công cụ đột nhập này thì người bị hại rất dễ bị mất tài sản.

Thủ đoạn phạm tội của tội phạm của tội trộm cắp tài sản là “lén lút” chiếm đoạt tài sản người khác, người phạm tội thường lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản, chủ tài sản hoặc đột nhập vào nơi có tài sản để lấy trộm, đối tượng phạm tội lợi dụng sự tin tưởng quen biết của người chủ tài sản hoặc trộm cắp nhờ vào sự tin

tưởng là người thân trong gia đình. Nhưng thường là người phạm tội lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản mới là thủ đoạn chủ yếu nhất.

Về thời gian và địa điểm phạm tội mỗi loại tội phạm có những đặc điểm riêng biệt về thời gian và địa điểm phạm tội. Thời gian và địa điểm phạm tội không chỉ phản ánh những đặc tính của hành vi phạm tội mà còn thể hiện đặc điểm định tính định hướng về mặt không gian và thời gian của tình hình phạm tội nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng.

- Về thời gian phạm tội thời gian phạm tội hay xảy ra nhất là vào ban đêm, khoảng thời gian này lúc chủ tài sản vắng nhà hoặc đang nghỉ ngơi, kẻ phạm tội lợi dụng bóng tối để đột nhập vào nhà hay cửa hàng để trộm cắp tài sản. Nhưng không phải vậy mà thời gian ban ngày thì tình hình tội trộm cắp tài sản không xảy ra có nhiều vụ trộm cắp xảy ra ban ngày nhiều kẻ phạm tội lợi dụng chủ nhà đi làm, đi công việc hoặc do sơ hở không ai trông coi tài sản nên tiến hành trộm cắp tài sản.

Bảng 2.5. Cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang xét theo thời gian phạm tội

Thời gian phạm tội	Số vụ TCTS	Tỷ lệ (%)
Từ 0 đến 6 giờ	109	41,44
Từ 6 đến 12 giờ	37	14,07
Từ 12 đến 18 giờ	34	12,93
Từ 18 đến 24 giờ	83	31,56
Tổng	263	100

(Nguồn: Số liệu nghiên cứu qua thống kê 200 bản án về tội trộm cắp tài sản đã xét xử trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang) [32]

Phân tích các bản án xét xử về 200 vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cho thấy khoảng thời gian từ 0 giờ đến 06 giờ xảy ra 109 vụ chiếm 41,44% và đây là thời gian số vụ trộm cắp tài sản xảy ra với số lượng cao nhất; từ 06 giờ đến 12 giờ xảy ra 37 vụ chiếm 14,07% là khoảng thời gian số vụ trộm cắp tài sản xảy ra tương đối thấp, từ 18 giờ đến 24 giờ xảy ra 83 vụ chiếm 31,56% là khoảng thời

gian số vụ trộm cắp tài sản xảy ra tương đối cao và khoảng thời gian thấp nhất là từ 12 giờ đến 18 giờ có 34 vụ chiếm 12,93%. Mặc dù, khoảng thời gian này là thời gian mọi người nghỉ ngơi hoặc làm việc nhưng do đặc điểm Hậu Giang vào khoảng thời gian từ 12 giờ đến 18 giờ có rất nhiều người qua lại nên người phạm tội trộm cắp tài sản ít chọn khoảng thời gian này để thực hiện hành vi phạm tội.

2.2.2. Cơ cấu về hình phạt

Tình hình tội trộm cắp tài sản được thể hiện qua cơ cấu về hình phạt chính và hình phạt bổ sung, tỷ lệ giữa các loại, mức hình phạt mà Tòa án đã áp dụng đối với người phạm tội trộm cắp tài sản.

Bảng 2.6. Cơ cấu về hình phạt đối với người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (từ năm 2011 đến năm 2015)

Năm	Số người bị xét xử	Hình phạt bổ sung	Hình phạt chính						
			Cải tạo không giam giữ	Phạt tù nhưng cho hưởng án treo	Đến 3 năm tù	Trên 3 năm đến 7 năm tù	Trên 7 năm đến 15 năm tù	Trên 15 năm tù	Tù chung thân
2010	105	0	0	26	70	8	1	0	0
2011	239	0	0	52	156	27	3	1	0
2012	220	0	0	29	169	22	0	0	0
2013	165	0	5	9	126	22	3	0	0
2014	188	0	0	27	154	7	0	0	0
Tổng	917	0	5	143	675	86	7	1	0
Tỷ lệ (%)	100	0	0,55	15,60	73,61	9,38	0,76	0,1	0

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang) [32]

Qua bảng số liệu trên cho thấy, loại hình phạt chính được Tòa án áp dụng khi xét xử trộm cắp tài sản chủ yếu là hình phạt tù. Hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ có 05 trường hợp chiếm tỷ lệ 0,55% so với hình phạt tù. Trong số hình phạt tù được áp dụng thì mức hình phạt tù được Tòa án áp dụng nhiều nhất là phạt tù đến ba năm, chiếm tỷ lệ 73,61% trong tổng số hình phạt được áp dụng, tương ứng với 675/917 bị cáo bị xét xử trong các năm từ 2011 đến 2015 về tội trộm cắp tài sản. Tiếp đó, mức hình phạt được Tòa án áp dụng là phạt tù nhưng cho hưởng án treo chiếm tỷ lệ 15,6% trong tổng số hình phạt được áp dụng, tương ứng với 143/917 bị cáo bị xét xử trong các năm từ 2011 đến năm 2015 về tội trộm cắp tài sản. Bên cạnh đó hình phạt tù vì trên ba năm đến bảy năm tù cũng được Tòa án áp dụng với tỷ lệ là 9,38% trong tổng số hình phạt được áp dụng, tương ứng với 86/917 bị cáo trong khoảng 05 năm, từ năm 2011 đến năm 2015. Ngoài ra, trong thời gian 05 năm, từ năm 2011 đến năm 2015, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang đã áp dụng các khung hình phạt tù trên 7 năm đến 15 năm đối với tội trộm cắp tài sản với tỷ lệ là 0,76% trong tổng số hình phạt được áp dụng, tương ứng với 7/917 bị cáo. Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang đã áp dụng các khung hình phạt tù trên 15 năm đối với tội trộm cắp tài sản với tỷ lệ là 0,1% trong tổng số hình phạt được áp dụng, tương ứng với 1/917 bị cáo. Không có trường hợp nào bị áp dụng hình phạt tù chung thân. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rằng, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của BLHS thì hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cũng được áp dụng đối với người phạm tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, thực tế xét xử về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015 không có trường hợp nào Tòa án áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với người phạm tội trộm cắp tài sản. Mặt khác, do đặc điểm tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và do điều kiện kinh tế còn kém phát triển, tài sản được trộm cắp thường có giá trị không lớn nên việc xử phạt đến khung hình phạt trên mười lăm năm tù chỉ có 01 trường hợp không có trường hợp nào xử phạt chung thân trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

2.2.3. Cơ cấu của tình hình tội trộm cắp tài sản theo đặc điểm nhân thân người phạm tội

Con người là chủ thể quyết định và thực hiện việc phạm tội. Vì vậy, vấn đề quan trọng cần được nghiên cứu là nhân thân những đối tượng đã gây ra tình hình tội phạm trong xã hội.

Người phạm tội vẫn là một con người cho nên nhân thân của họ vẫn là nhân thân của con người. Điều khác biệt là tại thời điểm phạm tội họ có những biểu hiện bất thường thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người phạm tội. Gắn liền sự việc phạm tội của người phạm tội là cả một hệ thống các đặc điểm có liên quan đến sự việc phạm tội như mối tương quan giữa bản chất tốt, xấu trong nhân thân con người, thể hiện ở phẩm chất đạo đức, các trạng thái tâm lý, ý thức pháp luật, thái độ xử sự nói chung cho đến các đặc điểm cụ thể như: động cơ, mục đích hướng tới việc thực hiện hành vi phạm tội, thái độ không chịu thừa nhận và sửa chữa sai lầm... Những đặc điểm đó phần lớn được hình thành trước thời điểm thực hiện tội phạm, đó là các phẩm chất tiêu cực của cá nhân.

Tội phạm học nghiên cứu nhân thân người phạm tội nhằm xác định nguyên nhân của tội phạm và đề ra biện pháp hữu hiệu trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Nguyên nhân thực hiện tội phạm chính là những đặc điểm thể hiện tính chống đối xã hội của con người và tội phạm học nghiên cứu nhân thân người phạm tội ở ba mức độ khác nhau, gồm nhân thân người phạm tội nói chung, nhân thân người phạm tội của một nhóm tội phạm và nhân thân người phạm tội của tội phạm cụ thể. Việc nghiên cứu ở những mức độ khác nhau sẽ phục vụ cho những mục đích khác nhau.

Nhân thân người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, qua nghiên cứu 200 bản án được lựa chọn ngẫu nhiên trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, có một số đặc điểm nổi bật được thể hiện qua bảng số liệu thống kê về đặc điểm nhân thân của người phạm tội như sau.

Bảng 2.7. Cơ cấu về độ tuổi của người phạm tội trộm cắp tài sản

Số vụ án	Số người phạm tội	Độ tuổi			
		Dưới 18 tuổi	Từ 18 đến 30	Từ trên 30 đến 45	Trên 45
200	263	38	168	43	14
Tỷ lệ (%)		14,45	63,88	16,35	5,32

(Nguồn: Số liệu qua nghiên cứu thống kê 200 bản án về tội trộm cắp tài sản đã xét xử trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang) [32]

+ Về độ tuổi: Người phạm tội trộm cắp tài sản ở độ tuổi dưới 18 tuổi, có 38 người, chiếm tỷ lệ 14,45%, độ tuổi 18 đến 30 có 168 người, chiếm tỷ lệ 63,88%; độ tuổi từ trên 30 đến 45 có 43 người, chiếm 16,35%; độ tuổi trên 45 có 14 người, chiếm tỷ lệ 5,32% trong tổng số người phạm tội. Qua bảng số liệu trên cho thấy phạm tội trộm cắp tài sản chủ yếu là người đã thành niên, ở độ tuổi từ 18 đến 30. Đây là lực lượng lao động chủ yếu của xã hội để tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, gia đình, xã hội và có đủ năng lực hành vi để quyết định nên hay không nên làm một việc gì. Đây là độ tuổi có số người phạm tội cao nhất, vì vậy nhiệm vụ đặt ra cho các nhà quản lý là phải tìm ra nguyên nhân và phải góp phần làm giảm số người phạm tội trộm cắp, tài sản nói chung và số người trong độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi phạm tội nói riêng.

Bảng 2.8. Cơ cấu về trình độ học vấn của người phạm tội trộm cắp tài sản

Số vụ án	Số người phạm tội	Trình độ học vấn						
		Không biết chữ	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Trung cấp nghề	Đại học, cao đẳng	Trên đại học
200	263	27	87	145	03	03	01	0
Tỷ lệ (%)		10,27	33,08	55,13	1,14	1,14	0,38	0

(Nguồn: Số liệu qua nghiên cứu thống kê 200 bản án về tội trộm cắp tài sản đã xét xử trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang [32]

+ Về trình độ học vấn: Qua nghiên cứu 200 bản án về tội trộm cắp tài sản của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang, tác giả thấy mối quan hệ giữa trình độ học vấn và tội phạm được thể hiện: trong số 263 bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản thì số người chỉ có trình độ học vấn từ tốt nghiệp trung học cơ sở trở xuống chiếm phần lớn trong số các bị cáo; Cụ thể: người không biết chữ chiếm 10,27%, người có trình độ trung cấp nghề chiếm 1,14%, đại học, cao đẳng chiếm 0,38%, trên đại học 0%. Điều này cho thấy trình độ học vấn cũng ảnh hưởng đến việc phạm tội, người có trình độ học vấn hạn chế thường có ý thức pháp luật hạn chế. Sự hạn chế đó, sẽ thúc đẩy hành vi lệch chuẩn của họ, thể hiện ra bên ngoài bằng việc vi phạm pháp luật, cao hơn là hành vi phạm tội. Do đó, vấn đề giáo dục ngoài việc nâng cao trình độ học vấn cũng cần phải quan tâm hơn nữa trong xã hội dù ở bất cứ giai đoạn nào.

Bảng 2.9. Cơ cấu về giới tính, nghề nghiệp của người phạm tội trộm cắp tài sản

Số vụ án	Số người phạm tội	Giới tính		Nghề nghiệp	
		Nam	Nữ	Có nghề nghiệp	Không nghề nghiệp
200	263	237	26	62	201
Tỷ lệ (%)		90,12	9,88	23,57	76,43

(Nguồn: Số liệu qua nghiên cứu thống kê 200 bản án về tội trộm cắp tài sản đã xét xử trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang) [32]

+ Về giới tính: Người phạm tội trộm cắp tài sản chủ yếu là nam giới, chiếm tỷ lệ 90,12%; nữ giới chiếm tỷ lệ 9,88%.

+ Về nghề nghiệp: Người phạm tội trộm cắp tài sản chủ yếu là người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, chiếm tỷ lệ 76,43%; người có nghề nghiệp chỉ chiếm 23,57%.

Bảng 2.10. Cơ cấu về số người nghiện chất ma túy, tái phạm, tái phạm nguy hiểm phạm tội trộm cắp tài sản

Số vụ án	Số người phạm tội	Nghiện chất ma túy	Tái phạm	Tái phạm nguy hiểm
200	263	24	39	11
Tỷ lệ (%)		9,13	14,83	4,18

(Nguồn: Số liệu qua nghiên cứu thống kê 200 bản án về tội trộm cắp tài sản đã xét xử trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang) [32]

+ Về nghiện chất ma túy: Trong tổng số 263 người phạm tội thì có 24 người nghiện chất ma túy, chiếm tỷ lệ 9,13%.

+ Tái phạm: Người phạm tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp tái phạm 39 người, chiếm 14,83%.

+ Tái phạm nguy hiểm: Người phạm tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm 11 người, chiếm tỷ lệ 4,18%.

Qua các bảng số liệu trên cho thấy, đặc điểm nhân thân của người phạm tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang chủ yếu là nam giới và là người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Bên cạnh đó, tỷ lệ người nghiện chất ma túy phạm tội trộm cắp tài sản cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao trong số người phạm tội. Người phạm tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp tái phạm cũng khá cao. Điều này thể hiện ý thức pháp luật và chấp hành pháp luật của người dân trên địa bàn còn kém, bị ảnh hưởng nhiều từ tệ nạn xã hội, do đó các nhà quản lý và cơ quan chức năng cần quan tâm đúng mức về những vấn đề này.

2.3. Kết quả đấu tranh và những khó khăn, bất cập trong đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang từ năm 2011 đến năm 2015

2.3.1. Kết quả đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản

Trong những năm qua, các cấp, các ngành đã tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện với nhiều nội dung và biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản nên đã thu được nhiều kết quả quan trọng.

Cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, huy động được nhiều nguồn lực xã hội, đông viên được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Công tác phòng ngừa xã hội mà nòng cốt là phong trào “Toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm và quản lý, giáo dục, giúp đỡ người phạm tội” trong gia đình, ở địa bàn dân cư được triển khai sâu rộng, gắn với cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và nhiệm vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân đã mang lại hiệu quả rõ nét, góp phần củng cố cơ sở ngăn ngừa tội phạm ngay từ cơ sở. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã xét xử 515 vụ án trộm cắp tài sản với tổng số 917 bị cáo, chiếm tỷ lệ 56,16% vụ và 58,63% số bị cáo so với tổng số các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Số vụ phạm tội trộm cắp tài sản là 515/1843 tội phạm đã xảy ra và chiếm tỷ lệ tương đối cao, (27,94%). Tội trộm cắp tài sản trên địa bàn có tính chất ngày càng phức tạp, thủ đoạn tinh vi nhiều trường hợp manh động chống trả lại chủ tài sản hoặc người phát hiện để tẩu thoát.

2.3.2. Những khó khăn, bất cập trong đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản

Trong những năm qua, Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Hậu Giang đã hết sức quan tâm, chỉ đạo trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng. Phần lớn các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Đoàn thể đã đề cao tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ an ninh trật tự, coi công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm trong đó có tội trộm cắp tài sản là một bộ phận của chức năng giữ gìn trật tự an toàn xã hội được giao. Một số công dân trong xã hội đã xác định được trách nhiệm của mình trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, có ý thức bảo vệ tài sản của mình, không để kẻ gian đột nhập trộm cắp tài sản. Các cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương đã tiến hành nhiều biện pháp phòng ngừa tội trộm cắp tài sản, tổ chức thực hiện những biện pháp bảo vệ có hiệu quả, làm giảm thiểu những sơ hở trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, cảm hóa, giáo dục được nhiều đối tượng hình sự, giúp họ tái hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, bên cạnh

những kết quả đạt được đáng ghi nhận thì trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội trộm cắp tài sản của các cơ quan bảo vệ pháp luật ở tỉnh Hậu Giang cũng đã bộc lộ những hạn chế, tồn tại như sau:

- Việc phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, tham gia đấu tranh phòng ngừa tội trộm cắp tài sản còn mang tính hình thức, chỉ thông qua các cuộc họp định kỳ của từng xóm, ấp, khu vực trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện, duy trì thường xuyên, liên tục, hiệu quả của phong trào còn thấp. Việc phổ biến phương thức, thủ đoạn hoạt động trộm cắp tài sản cho người dân biết để có biện pháp phòng ngừa tội phạm ở một số địa phương chỉ làm một cách chiếu lệ hoặc thậm chí không làm; hoạt động tuần tra, kiểm soát của các tổ an ninh nhân dân chưa được tiến hành thường xuyên, nhất là trong các ngày lễ, tết.

- Chất lượng điều tra, khám phá các vụ án trộm cắp tài sản còn thấp, một số vụ án trộm cắp tài sản được phát hiện, chưa được xử lý nghiêm minh, kịp thời. Một số vụ án đã được chuyển sang Tòa án, nhưng lại bị Tòa án trả lại hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung do nhiều vụ án khác còn để kéo dài thời hạn điều tra, truy tố, xét xử hoặc khi xét xử lại cho hưởng mức án nhẹ... không đủ sức răn đe, trừng phạt, phòng ngừa chung đối với tội phạm này.

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật đã nhiều cố gắng nhưng chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong điều tra, nắm chắc diễn biến tình hình tội phạm để từ đó làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản ở từng khu vực, do vậy chưa đề ra được giải pháp phòng ngừa hợp lý, hiệu quả. Công tác phối hợp nắm thông tin, tình hình tội phạm, quản lý đối tượng giữa các ngành còn yếu, biểu hiện cục bộ, do vậy kết quả đấu tranh còn hạn chế, tỷ lệ điều tra, khám phá các loại án này chưa đạt được yêu cầu cao và còn nhiều sơ hở, công tác giáo dục, cải tạo đối tượng còn bất cập nên chưa cải tạo người phạm tội trở thành người lương thiện, tỷ lệ tái phạm còn cao (14,83%).

- Viện kiểm sát nhân dân khi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra còn bộc lộ nhiều hạn chế như: Chậm trễ trong kiểm sát điều tra ngay từ khi có vụ án xảy ra, dẫn đến việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản của Cơ

quan điều tra, chưa được chính xác và khách quan, thu thập chứng cứ không đầy đủ để bỏ lọt tội phạm chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản bị chiếm đoạt; chất lượng tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa của Viện kiểm sát chưa đáp ứng với yêu cầu hiện tại.

- Tòa án nhân dân trong hoạt động xét xử còn có những hạn chế như: Còn vi phạm luật tố tụng hình sự trong xét xử, việc ra quyết định tổ chức thi hành án đối với người phạm tội trộm cắp tài sản và yêu cầu cơ quan, tổ chức áp dụng biện pháp phòng ngừa tội trộm cắp tài sản chưa kịp thời, còn nhiều khiếm khuyết.

- Việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, bổ sung biên chế nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng còn chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức; đời sống của cán bộ điều tra, cán bộ tư pháp khác còn nhiều khó khăn; chưa động viên, khích lệ được tinh thần của họ tập trung vào hoàn thành tốt công việc từ đó tự làm hạn chế nhiều đến kết quả công tác của cơ quan. Hệ thống pháp luật còn chưa thống nhất, thiếu đồng bộ, thậm chí còn chồng chéo đã gây khó khăn không nhỏ đến công tác phòng, chống tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng.

2.4. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015

2.4.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội

Tội phạm là hiện tượng tiêu cực của xã hội, phát sinh, tồn tại và phát triển trong xã hội, luôn gắn liền với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở những giai đoạn phát triển nhất định. Vì vậy, nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang luôn gắn liền với những yếu tố bất cập, yếu tố tiêu cực của tình hình kinh tế, xã hội.

Những yếu tố tiêu cực trong tình hình kinh tế - xã hội là nguyên nhân và điều kiện đã tác động đến nhóm người nhất định làm nảy sinh ở họ ý thức mong muốn chiếm đoạt tài sản, trong đó có hình thức chiếm đoạt lén lút. Những nguyên nhân và điều kiện đó là:

Thứ nhất, tình trạng thất nghiệp, khó khăn về kinh tế là một trong các nhân tố tác động hình thành ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong cơ chế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc và rõ rệt đã trở thành yếu tố tác động mạnh mẽ đến ý thức làm nảy sinh ý thức tiêu cực của con người. Bởi lẽ, trong hoàn cảnh túng quẫn, thiếu thốn tâm lý con người dễ chuyển sang tâm lý tiêu cực, liều lĩnh, sẵn sàng làm mọi việc, kể cả phạm tội để có tiền, có tài sản nhằm thỏa mãn nhu cầu thiết yếu về vật chất của con người. Mặc dù không phải mọi người khó khăn về kinh tế đều nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nhưng hoàn cảnh kinh tế thiếu thốn tiềm ẩn nguy cơ dễ thúc đẩy con người thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ hai, tình trạng thiếu việc làm sau những vụ mùa của một bộ phận không nhỏ của người dân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cũng là một trong các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội trộm cắp tài sản. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, mặc dù Hậu Giang đã đạt được những thành tựu đáng kể về mọi mặt, tốc độ phát triển kinh tế ổn định, song, tỷ lệ thất nghiệp còn ở mức cao và thu nhập của người dân vẫn còn thấp. Số lượng việc làm được tạo ra hàng năm không đáp ứng đủ số lao động hiện tại của tỉnh. Do số lượng người lao động không có việc làm ngày càng tăng dẫn đến việc người dân sau các vụ mùa thường nhàn rỗi tụ tập rượu chè, làm phát sinh các tệ nạn xã hội. Từ đó có thể thấy tình trạng thiếu việc làm là một trong những nhân tố tác động làm phát sinh những tiêu cực trong xã hội và dễ dẫn con người đến con đường phạm các tội có tính chất chiếm đoạt, trong đó điển hình là tội trộm cắp tài sản. Qua khảo sát 200 bản án xét xử về tội trộm cắp tài sản với 263 người phạm tội thì có tới 201 người phạm tội không có việc làm, chiếm tỷ lệ 76,43%. Như vậy, tỷ lệ người không có việc làm phạm tội trộm cắp tài sản rất cao, cao hơn 3 lần so với người có việc làm.

Thứ ba, bên cạnh những mặt tích cực về đời sống kinh tế - xã hội được cải thiện nhưng cũng nhiều tệ nạn xã hội phát sinh như: Ma túy, rượu chè, cờ bạc, games online, máy bắn cá,... và từ những tệ nạn này đã kéo theo một bộ phận không nhỏ các đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Với tâm lý thích hưởng thụ, ăn chơi sa đọa đã làm cho một bộ phận thanh, thiếu niên sa ngã vào các tệ nạn

xã hội và khi không có tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân thì các đối tượng này đã tìm mọi cách để có tiền, kể cả việc phạm tội trộm cắp tài sản.

2.4.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc lĩnh vực văn hóa – giáo dục và tuyên truyền phổ biến pháp luật

Văn hóa, giáo dục và tuyên truyền phổ biến pháp luật có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với cách xử sự của con người trong cộng đồng nên trở thành yếu tố ảnh hưởng đến tình hình tội phạm, là nguyên nhân và điều kiện phát sinh, phát triển của một tội phạm cụ thể đó là tội trộm cắp tài sản.

Ý định chiếm đoạt tài sản của người khác của những người phạm tội trộm cắp tài sản không phải tự nhiên sinh ra. Nó là kết quả của quá trình tương tác qua lại, phức tạp theo các quy luật tâm lý giữa cá nhân người phạm tội và môi trường xã hội, nơi người đó sinh sống.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, lối sống, cách nghĩ của con người đã có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận người chưa thích ứng được và không phải mọi thay đổi đều mang tính tích cực. Kinh tế thị trường với quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh,... ở khía cạnh nhất định đã khuyến khích chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, coi trọng giá trị vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, xem trọng lợi ích cá nhân mà coi nhẹ lợi ích cộng đồng. Hoạt động mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại bên cạnh những mặt tích cực, cũng đồng thời du nhập những quan điểm, tư tưởng của lối sống tư bản, thực dụng. Đó là lối sống chỉ biết lợi ích của cá nhân mình, tất cả vì lợi nhuận và vì lợi nhuận người ta sẵn sàng chà đạp lợi ích của người khác, sẵn sàng vứt bỏ lợi ích của tập thể, của xã hội. Để thỏa mãn lợi ích cá nhân người ta không từ bỏ một thủ đoạn nào, kể cả trộm cắp tài sản.

Những xu hướng biến đổi tâm lý xã hội tiêu cực trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường nói trên là nguyên nhân và điều kiện cho tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản tồn tại và phát triển.

Cùng với hoạt động văn hóa - giáo dục, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật là một yếu tố kìm hãm sự phát sinh và gia tăng tội phạm nói chung, tội trộm cắp

tài sản nói riêng. Bởi chính sự hiểu biết pháp luật sẽ giúp cho con người điều khiển hành vi của mình một cách chuẩn mực hơn và sự nghiêm khắc của pháp luật cũng tác động làm diễn biến tâm lý của người phạm tội, hoặc những người đang có ý định thực hiện hành vi phạm tội theo chiều hướng tích cực hơn.

Qua nghiên cứu 200 bản án của Tòa án nhân dân các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Hậu Giang, tác giả nhận thấy còn biểu hiện những hạn chế nhất định từ sự giáo dục của cha mẹ và các thành viên lớn tuổi khác trong gia đình đối với trẻ em và các thành viên khác trong gia đình, cũng như từ sự thiếu hiểu biết pháp luật. Cha mẹ, trong một số trường hợp cá biệt còn là nhân tố tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến sự hình thành nhân cách đúng đắn của con cái trong gia đình, tiêu biểu là khi cha hoặc mẹ đang chấp hành án tại các trại giam hoặc đã có tiền án, tiền sự hoặc bị tiếm nhiệm các tệ nạn xã hội.

Một số người phạm tội trộm cắp tài sản đã không có điều kiện giáo dục tốt tại các gia đình như cha, mẹ mất sớm, cha hoặc mẹ phải thường xuyên đi làm xa không thường xuyên có mặt ở nhà, cha mẹ ly hôn hoặc tồn tại mâu thuẫn trong các gia đình như thường xuyên mắng chửi, đánh đập, coi thường, không tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình.

Nghiên cứu 200 bản án về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cho thấy đặc điểm nổi bật của người phạm tội trộm cắp tài sản là trình độ học vấn thấp, cụ thể số người phạm tội không biết chữ là (27 người, chiếm tỷ lệ 10,27%, có trình độ học vấn ở bậc tiểu học là 87 người, chiếm tỷ lệ 33,08%, số người phạm tội có trình độ học vấn ở bậc trung học cơ sở là 145 người, tỷ lệ 55,13%, số người phạm tội có trình độ học vấn trung cấp nghề rất ít là 03 người, chiếm tỷ lệ 1,14%, đặc biệt số người phạm tội có trình độ đại học hoặc cao đẳng trở lên chỉ có 01 người, chiếm tỷ lệ 0,38%.

Trong những năm qua, công tác giáo dục của nhà trường từ bậc mẫu giáo đến bậc trung học phổ thông qua vẫn còn những hạn chế nhất định như chỉ coi trọng việc dạy kiến thức cho học sinh, xem nhẹ giáo dục hình thành nhân cách con người. Nhà trường chưa có những biện pháp thật sự thích hợp, hiệu quả để giáo dục học

sinh về cách đánh giá, phản ứng, tự bảo vệ trước những tư tưởng, hành vi xấu trong xã hội. Những hạn chế trong giáo dục là điều kiện thuận lợi để hình thành và phát triển những hành vi tiêu cực trong xã hội, là nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm trong đó có tội trộm cắp tài sản.

Hoạt động giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật trong cộng đồng dân cư, nơi mỗi người sinh sống, học tập, lao động có vai trò vô cùng quan trọng. Hoạt động giáo dục trong cộng đồng dân cư hiện nay có những hạn chế nhất định chưa tạo được môi trường sống lành mạnh, đề cao những tấm gương tốt, để tiếp tục hình thành, phát triển nhân cách tốt, sửa đổi những thói quen, nếp sống không lành mạnh như: Lười lao động, thích ăn chơi hoang phí, coi thường các chuẩn mực đạo đức trong xã hội hoặc gần gũi với các tệ nạn xã hội từ đó những người trong điều kiện không thuận lợi đã để cho các dục vọng cá nhân cảm dỗ và dễ bị dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo vào các tệ nạn xã hội hoặc tội phạm.

Trong lĩnh vực văn hóa, các sản phẩm văn hóa trong những năm qua tuy đa dạng về hình thức và có sự tham gia đông đảo của các thành phần trong xã hội, nhưng vẫn còn những hạn chế như chưa truyền tải được những tư tưởng tiến bộ, nên với sự phát triển của công nghệ thông tin, những luồng tư tưởng độc hại từ bên ngoài tồn tại trong các sản phẩm văn hóa khác nhau như sách, báo, phim, ảnh, băng đĩa, các trang Web... có điều kiện dễ dàng xâm nhập vào xã hội ta thúc đẩy sự tha hóa, xuống cấp về đạo đức hoặc đề cao quá đáng giá trị vật chất, coi nhẹ giá trị tinh thần trong xã hội, khuyến khích lối sống không lành mạnh, lệch chuẩn như tham lam, ích kỷ, chạy theo dục vọng thấp hèn, coi thường lợi ích xã hội từ đó tác động, tạo điều kiện cho tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng nảy sinh và phát triển.

2.4.3. Nguyên nhân và điều kiện thuộc về quản lý nhà nước về an ninh, trật tự

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã đạt được những thành tích đáng khích lệ như đã tăng cường lực lượng trinh sát quản lý từng địa bàn, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm về tình hình

tội phạm; các cơ quan bảo vệ pháp luật xây dựng được những kế hoạch ngày càng cụ thể theo dõi và bám sát những đối tượng có biểu hiện vi phạm pháp luật hoặc đẩy lùi những mầm mống phạm tội ra khỏi địa bàn. Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ các địa bàn có tình hình tội phạm gia tăng, diễn biến phức tạp, đưa tình hình xã hội dần ổn định. Tuy nhiên, hoạt động quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự vẫn còn những thiếu sót, hạn chế đang tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể là:

Thứ nhất, về nhận thức trong thời gian dài đã có những cơ quan, tổ chức, cá nhân có biểu hiện né tránh hữu khuynh, thiếu kiên quyết trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội trộm cắp tài sản, coi tội trộm cắp là tội ít nghiêm trọng, tội này tác động không lớn đến trật tự, an toàn xã hội. Từ nhận thức đó đã dẫn đến việc hành động thiếu kiên quyết đối với các hành vi trộm cắp tài sản nên ảnh hưởng tới tính răn đe giáo dục vốn có của pháp luật đối với tội phạm này.

Thứ hai, lực lượng cán bộ của các cơ quan chuyên trách trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế về chất lượng, trình độ và năng lực chuyên môn dẫn đến hiệu quả trong đấu tranh loại tội phạm này chưa cao. Bên cạnh đó là trình độ chuyên môn về kỹ thuật hình sự phục vụ cho công tác khám nghiệm hiện trường còn nhiều bất cập, các cán bộ thu thập các dấu vết của tội phạm chưa được đào tạo chuyên sâu, còn hạn chế về nghiệp vụ nên chưa hỗ trợ có hiệu quả cho công tác điều tra, phát hiện các dấu vết của tội phạm, từ đó dẫn đến việc khó phát hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Chính những hạn chế đó đã tạo tâm lý an toàn cho các đối tượng phạm tội vì chúng nghĩ rằng hành vi của mình thực hiện rất tinh vi và che giấu được các cơ quan bảo vệ pháp luật nên lại tiếp tục phạm tội mới và ngày càng liều lĩnh hơn. Còn các đối tượng khác thì thấy chiếm đoạt tài sản bằng việc trộm cắp tài sản là dễ dàng mà không bị phát hiện nên đã mạnh dạn lao vào con đường trộm cắp.

Thứ ba, hoạt động quản lý các đối tượng có nguy cơ xảy ra tội phạm cao trong xã hội như người có hành vi lệch chuẩn có tiền án, tiền sự vẫn còn nhiều hạn chế. Các đối tượng này sau khi chấp hành xong bản án, việc tái hòa nhập cộng đồng

luôn luôn là vấn đề khó khăn bởi nhiều nguyên nhân. Nếu không tái hòa nhập được với cuộc sống, không được hỗ trợ việc làm ổn định, hay bị lôi kéo bởi các phần tử xấu thì họ rất dễ phạm tội mới. Những đối tượng trộm cắp tài sản thường mang trong mình đặc điểm tâm lý tiêu cực, mặc dù đã được giáo dục, cải tạo nhưng tâm lý tiêu cực và mầm móng tái phạm vẫn thường trực trong con người, khi có điều kiện thuận lợi sẽ thúc đẩy thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, công tác quản lý các đối tượng có tiền án, tiền sự có tác động rất lớn đến tình hình tội phạm. Nếu quản lý tốt các đối tượng này sẽ góp phần kìm hãm sự phát triển của tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội trộm cắp tài sản nói riêng. Ngược lại, nếu không quản lý tốt các đối tượng có tiền án, tiền sự thì đây là một trong những nguyên nhân và điều kiện để tình hình tội phạm phát triển. Trong thời gian qua, công tác quản lý, cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ người phạm tội và những người lầm lỡ tại cộng đồng dân cư của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chưa được quan tâm đúng mức và còn mang tính hình thức. Sự kết hợp giáo dục người có tiền án, tiền sự giữa công an, chính quyền, tổ chức xã hội và gia đình còn lỏng lẻo. Đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện tượng người có tiền án, tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản lại thực hiện hành vi này sau đó.

Thứ tư, việc phối hợp hoạt động của các cơ quan chức năng trong việc giải quyết tình hình tội phạm còn chưa đồng bộ, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp. Các cơ quan chỉ chú trọng vào thực hiện những nhiệm vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của mình từ đó làm cho công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với tội phạm bị chia thành từng mảng rời rạc. Từ sự phối hợp không đồng bộ đó dẫn đến hình thành những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng không được ngăn chặn, triệt tiêu một cách hiệu quả.

Thứ năm, công tác xây dựng, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật còn nhiều thiếu sót. Chúng ta cũng chưa có những cách thức đảm bảo cho công tác giáo dục pháp luật có hiệu quả nên luật ban hành, nhưng nhân dân không biết nên không thực hiện đúng luật. Mặt khác, công tác hướng dẫn và giải thích pháp luật

cũng không kịp thời và đầy đủ dẫn đến sự lúng túng và không nhất quán trong quá trình giải quyết vụ án.

2.4.4. Nguyên nhân và điều kiện từ phía người phạm tội

Trộm cắp tài sản là tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội mong muốn đạt được mục đích là chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, nguyên nhân sâu xa của tội phạm, động cơ của người phạm tội là lợi ích kinh tế sẽ đạt được khi thực hiện tội phạm. Thực tiễn xét xử các vụ án trộm cắp tài sản cho thấy người phạm tội đều nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình bị pháp luật ngăn cấm; song, vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà họ đã thực hiện hành vi phạm tội. Qua việc nghiên cứu 200 bản án thì trước khi gây án, đối tượng phạm tội trộm cắp tài sản thường tiến hành thăm dò để phát hiện mục tiêu và những điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; móc nối, cấu kết hình thành băng nhóm; kẻ phạm tội thường nhận được sự giúp đỡ từ các đối tượng ở cùng địa bàn nên hành động trộm cắp của chúng thường diễn ra thuận lợi, bí mật và lấy được tài sản mong muốn; chúng thường tuyển lựa những đối tượng có cùng lứa tuổi, cùng bị giam giữ trong các trại cải tạo hoặc có nhiều tiền án, tiền sự về tội trộm cắp tài sản tham gia băng nhóm. Tuy nhiên, trong thực tế cũng có rất nhiều đối tượng không cần thăm dò trước, không có đồng phạm mà tự đi lang thang gặp đâu có tài sản để sơ hở, thấy có điều kiện thuận lợi là chúng gây án ngay. Có những băng nhóm phạm tội có tổ chức hoặc kẻ phạm tội riêng trước khi gây án đã móc nối với các đối tượng trong đường dây tiêu thụ tài sản để tiêu thụ tài sản khi trộm cắp được.

Vì mục đích để có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu của bản thân nhưng lại không muốn lao động vất vả nên người trộm cắp nhận phạm tội để nhanh chóng có tiền tiêu xài.

Một số người phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần tiền để lo cho gia đình hoặc trả nợ, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp không thể có đủ tiền để giải quyết những công việc khẩn cấp liên quan đến gia đình, vợ con hoặc cha mẹ nên đã chấp nhận phạm tội. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một số trường hợp người phạm tội cần tiền để trả nợ cho những hành vi trái pháp luật

trước đó như: đánh bạc dẫn đến thiếu nợ, nếu không trả thì chủ nợ sẽ sử dụng những biện pháp nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người phạm tội để buộc người phạm tội trả tiền, trong khi đó họ không dám tố giác hành vi trái pháp luật của chủ nợ nên quyết định thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, số khác cần tiền mua ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện và đây cũng là động lực thúc đẩy những người này thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Người phạm tội vì bị rủ rê, lôi kéo cùng thực hiện hành vi phạm tội là những trường hợp họ không chủ động thực hiện tội phạm mà bị các chủ thể khác dụ dỗ, lôi kéo có thể bằng vật chất hoặc vì các mối quan hệ nên đã chấp nhận cùng thực hiện tội phạm. Người bị rủ rê, lôi kéo thường là người chưa thành niên, chưa có nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, nhưng cũng có nhiều trường hợp người bị rủ rê, lôi kéo là người có nhận thức đầy đủ thậm chí có cả trường hợp người chưa thành niên rủ rê, lôi kéo người đã thành niên phạm tội.

Cũng có trường hợp người phạm tội là con em trong gia đình khá giả nhưng do thích thể hiện với bạn bè và xem việc trộm cắp tài sản là đáp ứng một sự thách thức thể hiện đẳng cấp trong nhóm nên sa vào con đường phạm tội.

2.4.5. Nguyên nhân và điều kiện từ phía nạn nhân

Khi nghiên cứu các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể cũng cần cân nhắc vai trò của nhân tố nạn nhân, tức là thân nhân và hành vi của nạn nhân trong cơ chế hành vi phạm tội.

Trong thực tiễn hoạt động điều tra, đặc điểm nhân thân người bị hại thường ít được chú ý. Tuy nhiên, yếu tố người bị hại trong vụ án hình sự, nhất là trong vụ án trộm cắp tài sản, có thể có ý nghĩa to lớn, tạo điều kiện xác định thủ phạm, động cơ và mục đích gây án. Thông thường các đặc điểm nhân cách và hành vi của nạn nhân góp phần tạo ra các tình huống phạm tội trong các trường hợp như: Nạn nhân thiếu khả năng kiểm soát tình huống xung quanh; nạn nhân sơ ý, cầu thả với sự an toàn, phẩm giá của bản thân và tài sản của mình; nạn nhân không muốn báo cho Cơ quan bảo vệ pháp luật về những ý đồ hoặc những hành vi của người khác có dấu hiệu xâm hại đến tài sản của bản thân mình, nạn nhân có quan hệ với những người xấu...

Những yếu tố thuộc đặc điểm nhân thân của người bị hại như giới tính, độ tuổi, nơi ở, nghề nghiệp, trình độ học vấn cùng những tài liệu về tính chất và mức độ thiệt hại, về đặc điểm thể lực, xã hội, tâm lý, về lịch sử bản thân, mối quan hệ với những người khác của nạn nhân là đối tượng của việc nghiên cứu nhân thân người bị hại... Nghiên cứu những tài liệu về đặc điểm nhân thân của người bị hại cho phép xây dựng và lựa chọn những biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Điều kiện thuận lợi mà người phạm tội trộm cắp tài sản lợi dụng để thực hiện tội phạm có thể là:

- Người bị hại có quan hệ thân thiết với người phạm tội nên người bị hại không đề phòng hoặc không thể đề phòng đối với người phạm tội trong việc bảo vệ tài sản; người bị hại có tư tưởng ham lợi nên bị người phạm tội đánh trúng tâm lý và lợi dụng để tiếp cận và chiếm đoạt tài sản. Trong thực tế hiện nay có rất nhiều thủ đoạn để người phạm tội thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như việc lợi dụng lòng tham của con người, đánh vào tâm lý của nạn nhân như ham lợi, ham rẻ để sử dụng như là một cách thức để tiếp cận, tạo lòng tin với nạn nhân để chờ thời cơ thuận lợi sẽ lén lút chiếm đoạt tài sản.

- Người bị hại thiếu cảnh giác và chủ quan trong việc quản lý tài sản. Phần lớn nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản là từ thái độ của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản của mình. Họ đã tạo ra những điều kiện hết sức thuận lợi cho người phạm tội thực hiện tội phạm. Một số trường hợp người phạm tội không có ý định phạm tội, nhưng được đặt vào những điều kiện quá thuận lợi do nạn nhân mang lại, họ đã phạm tội. Ví dụ, có trường hợp người bị hại đi xe về nhà nhưng không dắt vào nhà mà để ngoài sân, để hẫng chìa khóa trên xe, không khóa hoặc nhà không có cửa rào che chắn, tài sản có giá trị như tiền, vàng nữ trang để trong nhà, trên bàn, giường, tủ... không cất giữ ở những nơi kín đáo và an toàn làm cho người thân trong gia đình họ, hoặc những người xung quanh nảy sinh lòng tham và thực hiện tội phạm với ý thức phát sinh tức thời. Hoạt động của tội phạm trộm cắp tài sản thường diễn ra nhanh do sự bộc lộ, sơ hở trong quản lý và bảo vệ tài sản

đã tạo điều kiện dễ dàng chiếm đoạt tài sản, đảm bảo yếu tố nhanh chóng, bí mật của hành vi.

Ngoài ra, còn có những nguyên nhân và điều kiện khác tạo điều kiện thuận lợi cho người phạm tội thực hiện tội phạm như ở những hoàn cảnh cụ thể mà nếu không có những điều kiện này chưa chắc người phạm tội đã thực hiện tội phạm hoặc xuất hiện việc thực hiện tội phạm.

Kết luận chương 2

Trong chương này, tác giả đã phân tích, đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và kết quả công tác xét xử đối với loại tội phạm này để làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang bao gồm nguyên nhân về điều kiện thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa giáo dục, gia đình, quản lý nhà nước về an ninh trật tự, về hoạt động phòng ngừa tội phạm và nguyên nhân, điều kiện thuộc về nhân thân của người phạm tội,...

Các nguyên nhân này được xem xét, đánh giá trên nhiều khía cạnh khác nhau, qua đó đã cho thấy chúng đang tồn tại. Điều đó làm cơ sở để kiến nghị các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện quy trình về tội trộm cắp tài sản theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các giải pháp đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang mà tác giả sẽ trình bày ở chương 3.

Chương 3

DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ PHÒNG NGỪA TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN Ở TỈNH HẬU GIANG TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Dự báo diễn biến tình hình tội trộm cắp tài sản ở tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới

Dự báo tình hình tội phạm là sự phán đoán về thực trạng, diễn biến, tính chất của tình hình tội phạm có thể xảy ra trong tương lai cũng như các nguyên nhân, điều kiện và các khả năng phòng, chống nó trong từng giai đoạn nhất định.

Dự báo tình hình tội phạm là hoạt động dựa trên quy luật vận động của đời sống, xã hội để phán đoán về thực trạng diễn biến, tính chất của tình hình tội phạm có thể xảy ra trong tương lai, từ đó sẽ làm cơ sở cho việc kế hoạch hoá và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho hoạt động ngăn ngừa tội phạm một cách có hiệu quả. Bởi vậy, dự báo tình hình tội phạm là bộ phận cấu thành của phòng ngừa tình hình tội phạm trên một địa bàn nhất định.

Dự báo tình hình tội phạm là công việc phức tạp và khó khăn, đòi hỏi người làm công tác dự báo phải phân tích, đánh giá tình hình tội phạm đã xảy ra trong quá khứ, đang xảy ra trên thực tế, từ đó phán đoán về nó trong tương lai trên địa bàn cụ thể. Bởi vậy, dự báo tình hình tội phạm là kết quả của một quá trình nghiên cứu tội phạm có cơ sở khoa học.

Do đó, dự báo tình hình tội phạm có tính ứng dụng thực tiễn cao đối với công tác phòng ngừa tội phạm. Trên cơ sở dự báo tình hình tội phạm, các chủ thể phòng ngừa tội phạm có thể chủ động đề ra các chính sách, biện pháp phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

Từ những lập luận khái quát trên đây có thể thấy dự báo tình hình tội trộm cắp tài sản là phán đoán về diễn biến, mức độ, cơ cấu và tính chất của tình hình tội trộm cắp tài sản, về khả năng phòng ngừa tình hình tội này trong tương lai, làm căn cứ cho việc lựa chọn các giải pháp và phương pháp phòng ngừa tối ưu, phù hợp với

thực tế góp phần kiểm chế, khắc phục, dần loại trừ tình hình tội trộm cắp tài sản ra khỏi đời sống xã hội nói chung và trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nói riêng.

3.1.1. Cơ sở của dự báo

Việc đưa ra những phán đoán khoa học về khả năng diễn biến của tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang là nhằm đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

Trên cơ sở khoa học thì hoạt động dự báo tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang được xác lập như sau: Số liệu tình hình tội phạm từ năm 2011 đến năm 2015 ở tỉnh Hậu Giang, những tài liệu về hiện tượng kinh tế - xã hội tiêu cực đã, đang và sẽ tác động đến tình hình tội trộm cắp tài sản, hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản của hệ thống tư pháp hình sự. Trong đó cần lưu ý rằng tình hình tội trộm cắp tài sản nói chung là hiện tượng xã hội vì nó tồn tại trong xã hội, có nguồn gốc xã hội và số phận của nó cũng mang tính xã hội. Vì vậy, việc dự báo tình hình tội trộm cắp tài sản phải đặt trong sự biến đổi của các điều kiện kinh tế - xã hội ở từng giai đoạn tương ứng.

3.1.2. Nội dung dự báo

Trên cơ sở phân tích, nghiên cứu tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm cũng như là kết quả của hoạt động đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian qua có thể đưa ra dự báo tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

Thứ nhất, trong các nhóm tội được Bộ luật hình sự quy định thì các tội xâm phạm sở hữu vẫn là nhóm tội chiếm tỷ lệ cao trong tổng số tội phạm sẽ xảy ra. Số vụ án và số bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng và chiếm tỷ lệ cao trong nhóm tội xâm phạm sở hữu.

Thứ hai, tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang vẫn tiếp tục tăng về số lượng lẫn tính chất nguy hiểm. Quy mô, hình thức, xu hướng phạm tội thời gian tới sẽ chứng kiến hình thức hoạt động theo băng nhóm; phạm tội có đồng phạm và phạm tội có tổ chức có xu hướng ngày càng tăng; phạm tội một cách

chuyên nghiệp hơn; hoạt động lưu động trên nhiều địa bàn, tuyến khác nhau, nhất là trên các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy.

Thứ ba, tỷ lệ người phạm tội trộm cắp tài sản ở độ tuổi chưa thành niên tăng cao; tỷ lệ phạm tội ở độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi sẽ tiếp tục gia tăng; đối tượng phạm tội tập trung chủ yếu ở các đối tượng có tiền án, tiền sự, không nghề nghiệp, gia đình không đầy đủ, người nghiện ma túy và tham gia các tệ nạn xã hội khác.

Bốn là, tài sản của người mang theo khi đi đường, trên phương tiện giao thông như: ghe máy, xuồng... và những loại tài sản có giá trị lớn vẫn là đối tượng phổ biến của tội trộm cắp tài sản trong thời gian tới.

Năm là, về thời gian phạm tội trong thời gian tới, tội trộm cắp tài sản sẽ thường xảy ra vào thời gian ban đêm, từ 18 giờ đến 5 giờ sáng ngày hôm sau. Trong đó, khoảng thời gian từ 0 giờ đến 5 giờ sáng là khoảng thời gian tội phạm trộm cắp tài sản dễ xảy ra nhất và phổ biến nhất; vì khoảng thời gian này là lúc chủ tài sản hay người quản lý tài sản đã nghỉ ngơi vì số vụ trộm cắp tài sản sẽ có khả năng xảy ra ở địa bàn nông thôn cao và tăng lên trong thời gian tới do sự sơ hở, thiếu cảnh giác của đại đa số người dân ở khu vực này.

Cuối cùng là trong thời gian tới, thủ đoạn của người phạm tội trộm cắp tài sản là đi tìm hiểu, nghiên cứu quanh các tuyến đường bộ, đường thủy để nắm bắt tình hình, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản hay người quản lý tài sản để dễ, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát. Bên cạnh đó, thủ đoạn đột nhập vào nhà cũng là phương thức gây án chính của các đối tượng trộm cắp tài sản có đồng phạm và có tổ chức và xu hướng này tiếp tục tăng. Các địa bàn tội phạm trộm cắp tài sản sẽ diễn ra nhiều nhất là Vị Thanh, Phụng Hiệp, Ngã Bảy, Châu Thành A, vì đây là những nơi tập trung mua bán, trao đổi hàng hóa, có nhiều tuyến đường quốc lộ và nơi tập trung nhiều tệ nạn xã hội...

Tóm lại, trong thời gian tới tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang sẽ gia tăng về số lượng, tính chất và mức độ ngày càng nguy hiểm, người phạm tội ngày càng manh động. Do đó, trong thời gian tới cần có những biện pháp phù hợp để nâng cao được hiệu quả phòng, chống loại tội này để góp phần bảo

vệ trật tự, kỷ cương xã hội, tạo ra môi trường ổn định và an toàn cho mọi hoạt động của cá nhân, của cộng đồng trong xã hội.

3.2. Một số giải pháp tăng cường hoạt động phòng ngừa tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới

3.2.1. Giải pháp phòng ngừa nguyên nhân và điều kiện khách quan của tình hình các tội trộm cắp tài sản

3.2.1.1. Những giải pháp về chính trị

Theo quan niệm chung của cộng đồng quốc tế, trong đó có “Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, năm 1948”, quyền chính trị - là những quyền liên quan đến những giá trị mà mỗi người được hưởng, như: Quyền tự do cơ bản của cá nhân; Quyền bình đẳng về phẩm giá; Quyền tham gia vào quản lý đất nước; Quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận; Quyền lập hội và hội họp hòa bình... Những quyền này đã được đưa vào Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị năm 1966. Công ước này Việt Nam đã tham gia vào năm 1982. Ở Việt Nam, quyền con người nói chung, quyền dân sự - chính trị nói riêng là thành quả của cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đem lại. Ở Việt Nam, từ Hiến pháp năm 1946 đến Hiến pháp 2013, các quyền con người nói chung, quyền dân sự - chính trị nói riêng của người dân đều được trang trọng ghi nhận. Đặc biệt, Hiến pháp 2013 đã bổ sung nhiều vấn đề mới về quyền con người, như: quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, về chỗ ở; quyền sở hữu tư nhân; quyền đầu tư sản xuất, kinh doanh..., thể hiện rõ hơn các quyền dân sự và chính trị của công dân.

Để thực hiện biện pháp về chính trị đạt hiệu quả, bảo đảm quyền chính trị của nhân dân, Cấp ủy – chính quyền các cấp cần quan tâm, tập trung:

Thứ nhất, tạo ra cơ hội cho người dân tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội, thực hiện thông qua bầu cử và trên nguyên tắc dân chủ; bình đẳng về chính trị, không phân biệt giàu, nghèo; thực hiện nghiêm túc phương châm “Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”.

Thứ hai, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng với mục tiêu: mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, cơ quan, đơn vị, đoàn thể chính trị - xã hội tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến hiến pháp, pháp luật, cũng chính là góp phần bảo vệ và phát huy quyền con người, xây dựng ý thức “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” cho mỗi công dân.

Thứ ba, thực hiện nghiêm túc và kiến nghị cấp trên không ngừng đổi mới hình thức, nội dung các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo hướng chất lượng, thực chất, dân chủ. Đặc biệt là, việc công khai các phiên chất vấn thành viên, bỏ phiếu tín nhiệm các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, phê chuẩn,... từ đó góp phần xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, nhằm bảo đảm tốt hơn quyền dân sự và chính trị của nhân dân.

3.2.1.2. Những giải pháp về kinh tế - xã hội

Thứ nhất, thực hiện tốt các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm cho người lao động, hạn chế số người thất nghiệp, thiếu việc làm; đẩy mạnh đào tạo nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, sản xuất tạo nhiều việc làm, ổn định thu nhập cho nhân dân; thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh - xã hội để chủ động phòng ngừa các đối tượng phạm tội lợi dụng, lôi kéo, thanh thiếu niên thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ hai, phát triển toàn diện kinh tế địa phương, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh và thần cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tạo điều kiện tối đa để ổn định sản xuất, kinh doanh, kiềm chế lạm phát; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, ưu tiên đầu các công trình, dự án trọng điểm; phấn đấu giữ vững tốc độ phát triển kinh tế hằng năm. Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư sản xuất, kinh doanh tại địa bàn tỉnh.

Thứ ba, tổ chức tốt việc hướng nghiệp và dạy nghề cũng như tạo thêm việc làm cho người dân, đặc biệt là phải quan tâm tạo việc làm cho thanh niên, cho

những người mới ra tù.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo như: Mua thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ về nhà ở, nước sinh hoạt, đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ giá, bao tiêu các mặt hàng nông sản...

Thứ năm, ngân hàng Chính sách xã hội tăng cường cho vay từ nguồn vốn cho sinh viên, giải quyết việc làm đối với các sinh viên nghèo và các đối tượng chưa có việc làm nhằm giúp họ có việc làm ổn định.

3.2.1.3. Những giải pháp về xã hội

Thứ nhất, kiểm soát và tăng cường đấu tranh đối với hành vi phạm tội trộm cắp tài sản: Là hình thức kiểm soát và đấu tranh thông qua hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật và người có thẩm quyền của các cơ quan này trong quá trình thực hiện các biện pháp do pháp luật quy định trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án nhằm phòng, chống tội trộm cắp tài sản một cách có hiệu quả. Các cơ quan bảo vệ pháp luật với mục đích kiểm soát hành vi phạm tội nói chung và các hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nói riêng được Nhà nước trang bị nhân lực, phương tiện, công cụ pháp lý cũng như vật chất, được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, có quyền sử dụng sức mạnh cưỡng chế, đấu tranh với các hành vi phạm tội;

Thứ hai, kiểm soát xã hội đối với hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Kiểm soát xã hội đối với hành vi phạm tội nói chung và hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nói riêng là biện pháp làm giảm bớt tội phạm thông qua các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội và bằng những giá trị, chuẩn mực, cam kết, định mức, niềm tin trong các tổ chức, liên kết, quan hệ xã hội. Biện pháp kiểm soát này được thực hiện thông qua gia đình, cơ sở giáo dục đào tạo, các tổ chức tôn giáo, cộng đồng dân cư... và bằng việc lan truyền các giá trị xã hội như: đạo đức, phong tục, tập quán, truyền thống, niềm tin...

3.2.1.4. Những giải pháp về văn hóa - giáo dục

Thứ nhất, mỗi địa phương, xã, phường, thị trấn, xóm, ấp cần chú trọng và phát huy việc nhân rộng các mô hình giải trí lành mạnh, khu sinh hoạt vui chơi phù hợp với các lứa tuổi. Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương về phát triển văn

hóa, chú trọng phát triển toàn diện con người Việt Nam. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị, nay được thay thế bằng Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Quan tâm chăm sóc và bảo vệ trẻ em, công tác gia đình, bình đẳng giới, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hoá trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, đối với từng gia đình, song song với việc phát triển kinh tế gia đình thì mỗi gia đình phải quan tâm hơn nữa đến sự phát triển nhân cách của các thành viên trong gia đình. Cha mẹ, ông, bà phải là tấm gương sáng cho con cháu noi theo ngay từ khi còn nhỏ. Các thành viên trong gia đình phải yêu thương nhau để trẻ thấy sự gắn bó giữa con người với con người mà trước tiên là tình cảm giữa những người thân trong gia đình.

Thứ ba, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh cần chú trọng công tác giáo dục đào tạo, có biện pháp đảm bảo cho những người trong độ tuổi học tập phải được đến trường học tập. Cần phải có chế độ miễn, giảm học phí cho học sinh nghèo và học sinh trong gia đình thuộc diện chính sách để thu hút học sinh đến trường, hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ học sinh bỏ học; thực hiện phổ cập giáo dục cho những người không biết đọc, viết, những người có trình độ học vấn thấp trên địa bàn, nhất là ở những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa vì ở những nơi đó người dân không được trang bị kiến thức về pháp luật. Tăng cường công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, không chỉ trang bị tri thức cho học sinh mà còn trang bị kỹ năng sống, kỹ năng xử lý các tình huống, hướng các em đến mục tiêu chân – thiện – mỹ.

Thứ tư, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, củng cố đội ngũ giáo viên; tăng cường quản lý và hỗ trợ nâng cao chất lượng các trường, các trung tâm đào tạo, dạy nghề đảm bảo dạy những kiến thức, những kỹ năng tay nghề cần thiết, theo hướng

ứng dụng, thực hành, phù hợp với yêu cầu của các ngành nghề để cung ứng lực lượng lao động có tay nghề cho tỉnh nhà và các tỉnh thành khác trên cả nước.

3.2.1.5. Những giải pháp về dân sự

Để thực hiện giải pháp về dân sự đạt hiệu quả, bảo đảm quyền dân sự của nhân dân, Cấp ủy - chính quyền các cấp cần quan tâm, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, phải đảm bảo mọi người dân được sống trong môi trường an lành, thanh bình, một xã hội an toàn, không bị các hành vi phạm pháp luật đe dọa cuộc sống.

Thứ hai, thực hiện tốt nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, nếu vi phạm pháp luật và phạm tội thì phải được đối xử công bằng theo pháp luật, đảm bảo quyền con người theo các nguyên tắc tư pháp hình sự;

Thứ ba, tăng cường thực hiện tốt các chính sách phát triển kinh tế, an sinh xã hội, chăm lo đời sống, văn hóa, giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo...Cụ thể, cần tiếp tục xây dựng kế hoạch hành động của ngành nông nghiệp về thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững một cách có hiệu quả. Tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng của các quy hoạch; đối với những quy hoạch đã phê duyệt chưa đạt chất lượng, chưa khả thi sẽ điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo Quyết định 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

Thứ tư, hoàn thiện các cơ quan bảo vệ pháp luật theo hướng hiện đại để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

3.2.1.6. Những giải pháp về pháp luật

Pháp luật là cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, để phòng ngừa có hiệu quả với tội trộm cắp tài sản phải gắn liền với việc hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn thi hành pháp luật.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản, tác giả nhận thấy còn một số quy định chưa thật hợp lý cần phải hoàn thiện, gồm:

Thứ nhất, Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) và Bộ luật hình sự 2015 được ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi và góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, trong đó có các tội phạm xâm sở hữu, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy, vẫn còn một số tồn tại như đối với tội trộm cắp tài sản (Điều 138) không quy định cụ thể cấu thành tội phạm, không mô tả hành vi khách quan của tội phạm nên đã dẫn đến nhiều trường hợp hiểu và thực hiện không thống nhất. Điển hình như nhiều trường hợp khó phân biệt được hành vi cướp tài sản quy định tại Điều 133 BLHS với hành vi trộm cắp tài sản nên khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị phát hiện đã giằng co, chống trả. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc định tội danh không đúng, xét xử đúng người nhưng không đúng tội, dẫn đến oan sai, hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ hai, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cần tăng cường góp phần xây dựng, thể chế hóa và hoàn thiện hệ thống pháp luật do các cơ quan trung ương có thẩm quyền ban hành để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Đối với các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Trung ương nếu có chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với thực tế của địa phương thì cần có văn bản đề xuất, kiến nghị nhằm làm cho hệ thống pháp luật phát huy vai trò điều chỉnh các quan hệ xã hội một cách hiệu lực và hiệu quả khắc phục những hạn chế của hệ thống pháp luật hiện hành.

Thứ ba, Các cơ quan tư pháp khi áp dụng pháp luật, đặc biệt là áp dụng pháp luật hình sự phải đúng với tính chất, mức độ vi phạm, không xử oan người vô tội nhưng cũng không bỏ lọt tội phạm.

Thứ tư, các cấp, các ngành, đoàn thể, các địa phương cần triển khai đồng bộ nhiều biện pháp; xây dựng nhiều mô hình phù hợp, lồng ghép nhiều nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục, tạo chuyển biến về nhận thức và ý thức pháp luật của cán bộ, đảng viên và quần chúng để việc chấp hành pháp luật, nhất là pháp luật về phòng, ngừa tội phạm thật sự nghiêm chỉnh và hiệu quả.

3.2.1.7. Những giải pháp tổ chức - quản lý

Đây là giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa chức năng tổ chức, quản lý chung của chính quyền địa phương và của các cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực chuyên ngành do mình phụ trách. Việc ngăn chặn và loại bỏ tội phạm là nhiệm vụ trực tiếp của cơ quan nhà nước, của các cán bộ thuộc cơ quan chức năng, do vậy, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đối với hệ thống cơ quan trong bộ máy nhà nước cần phải được cơ cấu chặt chẽ, thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; từ đó mà tạo dựng uy tín, niềm tin trong nhân dân về khả năng và nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thứ hai, đối với các cán bộ thuộc cơ quan chức năng: Đòi hỏi phải tăng cường chất lượng, trình độ phẩm chất của đội ngũ cán bộ công chức, nhất là đội ngũ làm công tác phong trào, đội ngũ cán bộ tư pháp như: Điều tra viên, Trinh sát viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán.... Ngoài ra, cần tạo ra hành lang pháp lý cho mọi người dân được tham gia tích cực vào hoạt động quản lý xã hội cùng với các cơ quan chức năng qua đó thúc đẩy trách nhiệm của cán bộ thuộc cơ quan chức năng phòng, chống tội phạm.

Thứ ba, tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, quản lý địa bàn, kiểm tra nhân khẩu và tăng cường sự phối, kết hợp giữa các cơ quan chính quyền, đoàn thể địa phương để kịp thời phát hiện những vi phạm, biểu hiện tiêu cực nhằm ngăn chặn, loại trừ các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói chung và trộm cắp tài sản nói riêng.

Thứ tư, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trong quản lý xã hội: Thành lập các đường dây nóng, tổng đài tiếp nhận thông tin về tội phạm; quản lý chặt chẽ việc đăng ký các dịch vụ truy cập, phát hành các ấn phẩm bạo lực, có nội dung văn hóa không lành mạnh, không phù hợp lứa tuổi.

Thứ năm, chính quyền cơ sở phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc tiếp nhận, quản lý, giúp đỡ người có tiền án, tiền sự để họ ổn định cuộc sống, tái hoà nhập cộng đồng, trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Thứ sáu, các cơ quan bảo vệ pháp luật cần có sự phối hợp trong việc thực hiện tốt công tác thống kê tội phạm theo quy định pháp luật.

+ *Đối với Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang*

Theo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, VKSND có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Với chức năng đó, VKSND chịu trách nhiệm thực hiện việc thống kê tội phạm. Trong thời gian tới VKSND cần thay đổi cách thống kê tội phạm, theo hướng nếu bị can, bị cáo thực hiện nhiều hành vi cấu thành nhiều tội khác nhau, thì từng tội đó đều phải được thống kê.

Khi phối hợp với CQĐT, TAND trong giải quyết các vụ án trộm cắp tài sản, VKSND phải nêu cao tinh thần hợp tác, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan, không thoả hiệp một chiều hay đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau và nhất thiết phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

VKSND phải đảm bảo cho việc bắt, tạm giữ, tạm giam những người bị nghi ngờ phạm tội trộm cắp tài sản được tiến hành hết sức thận trọng, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, còn phải xem xét đối với từng trường hợp cụ thể có cần thiết phải tạm giữ, tạm giam hay không. VKSND phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất việc bắt oan, sai, tạm giữ, tạm giam không đúng quy định, áp dụng thay đổi hay huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn thiếu căn cứ.

Khi kiểm sát điều tra vụ án trộm cắp tài sản, Kiểm sát viên không được thụ động chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào hồ sơ vụ án và kết luận điều tra do CQĐT chuyển tới. Kiểm sát viên phải chủ động phối hợp với Điều tra viên để nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, xem xét kỹ chứng cứ, thậm chí còn phải chủ động thu thập chứng cứ như trực tiếp lấy lời khai người bị hại, người làm chứng, hỏi cung bị can...., nhất là đối với những vụ án phức tạp, có nhiều bị can tham gia, vụ án mà bị can kêu oan; lời khai của bị can trước sau không thống nhất. Kiểm sát viên phải kiên quyết yêu cầu CQĐT chấp hành nghiêm túc các quy định của BLTTHS trong quá trình điều tra vụ án.

Khi CQĐT chuyển hồ sơ vụ án trộm cắp tài sản sang VKS đề nghị truy tố, Kiểm sát viên cần phải nghiên cứu, đánh giá một cách chính xác, khách quan, toàn diện hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra. Khi có đủ căn cứ quyết định truy tố, Kiểm sát viên tiến hành xây dựng bản cáo trạng.

Để thực hiện tốt vai trò thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử các vụ án trộm cắp tài sản, trước khi tham dự phiên toà, Kiểm sát viên phải nắm chắc toàn bộ hồ sơ, chứng cứ vụ án, chuẩn bị đề cương xét hỏi và dự kiến những vấn đề tranh luận tại phiên toà, các tình huống phát sinh... Trong quá trình duy trì quyền công tố tại phiên toà, Kiểm sát viên phải tích cực tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ các tình tiết khách quan trong vụ án. Kiểm sát viên phải tích cực phối hợp với Hội đồng xét xử kiểm tra chứng cứ một cách khách quan để có thể kết luận chính xác là bị cáo có tội hoặc không có tội. Qua đó, Kiểm sát viên có thể bảo vệ quyết định truy tố hoặc rút một phần quyết định truy tố đảm bảo đúng đắn, chính xác.

VKSND hai cấp tỉnh Hậu Giang phải quan tâm ngay từ đầu đối với tất cả các vụ án trộm cắp tài sản gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội có tổ chức, có đồng phạm; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng để tập trung chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử các vụ án điểm nhằm phục vụ yêu cầu chính trị ở địa phương. Bên cạnh đó, VKSND cũng phải tích cực phối hợp với TAND, cơ quan Công an để tổ chức các phiên toà lưu động xét xử các vụ án trộm cắp tài sản gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nhằm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân, răn đe những đối tượng có ý định phạm tội trộm cắp tài sản.

Qua kiểm sát việc xét xử các vụ án trộm cắp tài sản, nếu phát hiện việc xét xử có những tồn tại, thiếu sót như xử lý không đúng, mức án chưa phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, còn bỏ lọt tội phạm..., thì VKSND phải tiến hành báo cáo kháng nghị để xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Đối với Toà án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang

Theo quy định của pháp luật, Toà án là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong phạm vi chức năng của mình, Toà án có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân. Bằng hoạt động của mình, Toà án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

Để nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm nói chung, tội trộm cắp tài sản nói riêng, TAND hai cấp tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt những yêu cầu sau:

Trong tình hình hiện nay, số lượng Thẩm phán tại TAND hai cấp tỉnh Hậu Giang còn thiếu; vì thế, mỗi Thẩm phán phải thụ lý nhiều vụ án. Điều này dẫn đến có nhiều vụ án, Thẩm phán không nghiên cứu hồ sơ kỹ lưỡng, toàn diện, trong lúc công tác phối hợp với các cơ quan tố tụng khác bị Thẩm phán coi nhẹ hoặc mang tính hình thức, không hiệu quả. Vì vậy, trong thời gian tới ở tỉnh Hậu Giang cần quan tâm từng bước đào tạo và bổ sung nguồn Thẩm phán nói chung, Thẩm phán làm công tác xét xử các vụ án hình sự nói riêng, đặc biệt là ở các TAND cấp huyện.

Thực tiễn xét xử một số vụ án trộm cắp tài sản cho thấy: Một số Thẩm phán của TAND hai cấp tỉnh Hậu Giang còn yếu kém về chuyên môn, có một số nhầm lẫn, sai sót về pháp luật, dẫn đến đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của nhiều hành vi phạm tội trộm cắp tài sản chưa đúng mức nên tuyên hình phạt không chính xác. Điều này dẫn đến làm cho người phạm tội có tâm lý coi thường pháp luật. Vì thế trong thời gian tới đòi hỏi phải nâng cao trình độ, trách nhiệm của Thẩm phán. TAND hai cấp tỉnh Hậu Giang cần thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ, thường xuyên mở các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ xét xử cho đội ngũ Thẩm phán, Lãnh đạo Toà án hai cấp tỉnh Hậu Giang cần bố trí một số Thẩm phán chuyên làm công tác xét xử các vụ án trộm cắp tài sản, quan tâm bồi

dưỡng cho họ về chuyên môn, những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng trong xét xử loại tội phạm này.

Đối với những vụ án trộm cắp tài sản phức tạp, xuất hiện nhiều vướng mắc, lãnh đạo các Tòa án phải thường xuyên chủ động phối hợp, hợp tác với VKSND, CQĐT để đề ra những biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án, đảm bảo xét xử vụ án theo đúng thời hạn quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng tồn đọng án hoặc xét xử oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm, trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, điều tra lại nhiều lần, dẫn đến thời gian giải quyết vụ án kéo dài.

Trong quá trình xét xử, khi xét thấy cần thiết phải bắt giam bị cáo để đảm bảo xét xử các vụ án trộm cắp tài sản, TAND cần chủ động phối hợp với VKSND, CQĐT trong việc truy nã, bắt giam bị cáo.

Sau các phiên toà xét xử các vụ án trộm cắp tài sản mà các cơ quan tiến hành tố tụng còn chưa thống nhất, có nhiều ý kiến khác nhau hoặc dư luận không đồng tình về kết quả xét xử, TAND cần phối hợp CQĐT, VKSND tổ chức rút kinh nghiệm về công tác điều tra, truy tố, xét xử. Nếu phát hiện quá trình xét xử có sai sót thì phải tìm biện pháp để kịp thời khắc phục ngay.

Toà án nhân dân các cấp cần phải đưa ra xét xử điểm, xét xử lưu động nhiều hơn nữa các vụ án trộm cắp tài sản. Toà án nhân dân hai cấp tỉnh Hậu Giang cần chủ động phối hợp với VKSND, cơ quan Công an để xác minh những vụ án trộm cắp tài sản cần đưa ra xét xử điểm, xét xử lưu động. Đó là những vụ trộm cắp tài sản có tổ chức, sử dụng vũ khí nóng để gây án, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Khi đã chọn được vụ án phải xét xử điểm, xét xử lưu động, TAND phải chuẩn bị chu đáo tất cả các khâu trong quá trình xét xử để xét xử lưu động, phát huy được tính răn đe những đối tượng có ý định thực hiện hành vi tội trộm cắp tài sản.

Thông qua xét xử các vụ án trộm cắp tài sản, Toà án hai cấp tỉnh Hậu Giang phải chú ý tìm ra những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản để phối hợp với các cơ quan chức năng khác đề ra những biện pháp phòng ngừa,

đấu tranh có hiệu quả với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Bên cạnh đó, Toà án còn phải phát hiện các phương thức, thủ đoạn phạm tội mới của tội trộm cắp tài sản để phối hợp với các cơ quan chức năng khác trong phòng ngừa tội phạm, tuyên truyền ý thức cảnh giác cho nhân dân.

Khi xét xử các vụ án trộm cắp tài sản, Toà án hai cấp tỉnh Hậu Giang thường áp dụng mức hình phạt khoan hồng hơn so với quy định của BLHS. Điều này chưa đủ sức răn đe đối với người phạm tội. Vì thế trong thời gian tới, Toà án hai cấp tỉnh Hậu Giang phải áp dụng hình phạt theo đúng quy định của BLHS đối với người phạm tội trộm cắp tài sản.

3.2.2. Giải pháp phòng ngừa nguyên nhân và điều kiện chủ quan của tình hình tội trộm cắp tài sản

3.2.2.1. Các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra

Các biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm tội trộm cắp tài sản xảy ra là các biện pháp tác động trực tiếp làm tiêu diệt những tình huống, những hoàn cảnh có khả năng phát sinh tội trộm cắp tài sản.

Để ngăn chặn tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

a) Tác động vào phương thức thực hiện tội trộm cắp tài sản

Biện pháp này chủ yếu tác động vào sự chuẩn bị phạm tội, bao gồm việc quản lý công cụ gây án, quản lý tài sản; cụ thể là những biện pháp sau:

Biện pháp tác động liên quan đến hoàn cảnh, địa điểm có khả năng phạm tội cao: Từ thực tế công tác quản lý nhà nước và thực tế phòng, chống tội phạm cho thấy ở những địa bàn khác nhau có những nguy cơ thực hiện các loại tội phạm khác nhau nên chỉ có các chủ thể quản lý địa bàn đó mới có khả năng đề ra những biện pháp ngăn chặn thích hợp nhất. Trên cơ sở thực trạng, phân tích ở Chương 2 cho thấy tội trộm cắp tài sản xảy ra nhiều tại nơi công cộng, các tụ điểm tập trung các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải trí, những lễ hội tập trung đông người.

Dù muốn hay không thì các chủ thể quản lý xã hội phải thừa nhận rằng, tại địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của mình, ở đâu có những đối tượng có tiền

án, tiền sự, có các đối tượng dính vào tệ nạn xã hội, những cá nhân cá biệt... thì cần phải có thêm biện pháp quản lý, giáo dục phù hợp, nhất là các biện pháp có ý nghĩa trực tiếp như giáo dục, định hướng, tạo thuận lợi cho họ tái hòa nhập cộng đồng, tạo điều kiện công ăn việc làm, giúp họ giác ngộ bản thân. Để tác động vào phương thức thực hiện tội phạm cần thiết phải:

Thứ nhất, đối với các cơ quan chức năng mà nòng cốt là lực lượng Công an cần tham mưu cho cấp ủy Đảng chỉ đạo các ngành, các cấp và tổ chức đoàn thể tuyên truyền giáo dục chính sách pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, bằng nhiều phương pháp khác nhau, đặc biệt tuyên truyền trong quần chúng đề cao cảnh giác, phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

Thứ hai, cần nắm chắc tình hình địa bàn, nhất là những điểm nóng thường xuyên xảy ra tội phạm, quản lý tốt nhân khẩu thường trú, tạm vắng, tạm trú của người lao động từ các địa bàn khác đến; quản lý chặt chẽ các đối tượng hình sự cộm cán hoặc mắc tệ nạn xã hội để có kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh.

Thứ ba, tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, đặc biệt là những địa bàn vắng người thường xuyên bị trộm cắp hoặc những địa bàn thuận lợi cho tội phạm trộm cắp thực hiện hành vi để kịp thời những phát hiện xử lý. Các cơ quan tiến hành tố tụng lựa chọn các vụ án điển hình đã xảy ra tại địa điểm có nguy cơ phạm tội cao để tổ chức xét xử lưu động nhằm mục đích răn đe phòng ngừa chung.

Thứ tư, người có tài sản phải có phương tiện, công cụ và đầu tư cho việc bảo vệ tài sản của mình, không tạo cơ hội cho các đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản;

Thứ năm, phải bố trí lực lượng tuần tra, canh gác, bảo vệ hoặc lắp camera giám sát ở những nơi có tài sản lớn hoặc ở nơi dân cư, cơ quan, công ty, doanh nghiệp;

Thứ sáu, tăng cường công tác quản lý đối với các cơ sở kinh doanh, các cửa hàng mua, bán, cho thuê công cụ, phương tiện (thường được dùng gây án) như van phá khóa xe máy, mỏ lết, dao, xà beng, cây sắt dùng móc cốp xe máy, bao tải, túi

xách, bộ kích điện, kim điện, súng bắn điện tự chế,... Các cơ sở kinh doanh, cho thuê công cụ, phương tiện cần nâng cao tinh thần cảnh giác khi bán, cho thuê công cụ, phương tiện.

Thứ bảy, tăng cường kiểm soát, quản lý những người nghiện ma túy, người sau cai nghiện, người có tiền án, tiền sự.

Thứ tám, thường xuyên phát huy tối đa vai trò của nhân dân và các cơ quan, tổ chức trong phòng ngừa tội trộm cắp tài sản.

b) Tác động vào chủ thể tiềm tàng của tội trộm cắp tài sản

Nhóm biện pháp này gồm chủ yếu là những biện pháp quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là của Công an các xã, phường, thị trấn, của tổ dân phố, tổ nhân dân tự quản và hoạt động của các phong trào đã và đang thực hiện ở Hậu Giang nhằm ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra.

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường quản lý các đối tượng có tiền sự, những người nghiện ma túy, những người ham chơi cờ bạc, những người đang phải thi hành hình phạt không phải là hình phạt tù và những người đã thi hành xong hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản.

Thứ hai, công an các cấp mà nòng cốt là Công an các xã, phường, thị trấn cần tăng cường hơn nữa việc nắm tình hình, bám sát địa bàn và đối tượng tại cơ sở. Công an các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tham gia tố giác tội phạm do Công an cấp trên phát động;

Thứ ba, các cấp chính quyền xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình điển hình tiên tiến trong phòng, chống tội phạm nói chung, tội trộm cắp tài sản nói riêng như: Cổng tự quản về an ninh trật tự, ánh sáng quang phòng, chống tội phạm; đèn ngoài ngõ, mồi trong nhà; câu lạc bộ tình thương và trách nhiệm; nghiệp đoàn xe mô tô chở khách phòng, chống tội phạm; đội dân phòng mô tô khách phòng, chống tội phạm...

c) Tác động vào nạn nhân tiềm tàng của tội trộm cắp tài sản

Nói đến nạn nhân tiềm tàng là nói đến những cá nhân, hộ gia đình; cơ quan, tổ chức... trong quá trình hoạt động, quản lý đã tạo ra điều kiện cho việc thực hiện tội phạm, như:

Một là, để xe gắn máy, xe đạp điện, xuống, ghe ngoài nhà, nơi vắng vẻ mà không có người trông coi, không khóa;

Hai là, cất giữ tài sản có giá trị ở nơi không đảm bảo an toàn, cất giữ tài sản tiền, vàng, laptop, di động... không cẩn thận như để ở túi quần, treo ở vách nhà, để trên bàn;

Ba là, đi khỏi nhà hoặc ở nhà sau mà không khóa cửa, đóng cửa, có hàng rào nhưng không khóa;

Bốn là, để tài sản ở công trường đang thi công mà không có người trông coi, không áp dụng biện pháp bảo vệ cần thiết, không thuê hoặc không cử người trông coi;

Năm là, cho trẻ em đeo trang sức có giá trị vì các đối tượng dễ lợi dụng sự non nớt về nhận thức của trẻ nhỏ mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

3.2.2.2. Những biện pháp không cho tội phạm thực hiện đến cùng

Những biện pháp này được thiết kế trên cơ sở trạng thái thứ hai của tội phạm, tức là trạng thái tội phạm đang xảy ra ở hai trường hợp: ngăn chặn khi tội phạm đang thực hiện để bắt quả tang và trường hợp lặp lại của hành vi trộm cắp tài sản.

a) Ngăn chặn khi tội phạm đang được thực hiện

Biện pháp này tác động vào hành vi phạm tội đang xảy ra nhằm giảm thiểu hậu quả. Cụ thể là những biện pháp sau:

Thứ nhất, Công an cấp xã, Tổ nhân dân tự quản thường xuyên tuần tra ở những nơi có khả năng xảy ra trộm cắp tài sản cao, những nơi có nhiều người vắng nhà vào một thời gian nhất định, những gia đình có nhiều tài sản quý, những nơi chùa chiền, thánh thất có đồ cổ...

Thứ hai, Đoàn thanh niên ngoài việc thực hiện tốt hoạt động “Tuyến đường thanh niên tự quản” cần có kế hoạch phối hợp đoàn thanh niên Công an trong hoạt

động xung kích tuần tra chống trộm một cách thường xuyên hơn nhằm tăng hiệu quả bắt quả tang người đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhất là nạn trộm cắp trái cây và vật nuôi.

Thứ ba, tác động đến nhà sản xuất kinh doanh để họ tích cực chủ động ứng dụng công nghệ chống trộm vào sản phẩm có giá trị nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn hành vi phạm tội. Cụ thể là sản xuất sản phẩm gắn liền chức năng chống trộm vào các sản phẩm thiết yếu như xe máy, xe đạp điện, đồ dùng điện tử, điện thoại di động...

Thứ tư, xây dựng mối quan hệ tình làng nghĩa xóm, khi đi vắng thì gửi những người hàng xóm láng giềng trông nhà hộ, khi thấy có người đột nhập vào nhà hàng xóm đi vắng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì kịp thời tri hô, ngăn chặn (bắt giữ) hoặc báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền.

b) Ngăn chặn những trường hợp lặp lại, tái phạm hành vi trộm cắp tài sản

Biện pháp ngăn chặn không cho tội phạm diễn ra nhiều lần hoặc không cho tái phạm là việc làm cho người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần mà chưa bị phát hiện hoặc đã bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật hình sự nói chung và bị xử lý về hành vi trộm cắp tài sản nói riêng không tái phạm, tái phạm nguy hiểm hay thực hiện lại hành vi phạm tội thêm một lần nào nữa.

Phòng ngừa không cho tội phạm diễn ra nhiều lần hoặc tái phạm thể hiện ở việc ngăn chặn từ khi hình thành động cơ, không để những đối tượng gặp những tác động tiêu cực, điều kiện thuận lợi để thực hiện hành vi phạm tội. Để nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa không cho tội phạm diễn ra nhiều lần hoặc tái phạm, các biện pháp phòng ngừa phải đồng bộ, thống nhất, nhất là công tác quản lý việc tái hòa nhập cộng đồng của những người từng phạm tội trộm cắp phải thực sự hiệu quả. Rõ ràng nếu tội phạm xảy ra mà được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, nghiêm minh, các cơ quan tiến hành tố tụng đánh giá, phân tích, làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm để người phạm tội biết, hiểu được, nhận thức rõ hành vi của mình thì từ đó, bản thân người phạm tội sẽ có nhận thức tốt, tin tưởng vào sự

ng nghiêm minh của pháp luật và tự ý thức không tái phạm nữa. Điều này còn thúc đẩy tính tích cực của cộng đồng trong công tác phòng ngừa tội phạm.

Để phòng ngừa phạm tội trộm cắp tài sản nhiều lần, tái phạm tội, theo tác giả cần quan tâm thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, các cơ quan bảo vệ pháp luật phải xác định đúng nguyên tắc phòng ngừa tội phạm; luôn thay đổi phương pháp, cách thức thường xuyên tổ chức, đề ra những chiến lược phòng ngừa tội phạm có hiệu quả và tham mưu, đề xuất xây dựng, ban hành văn bản pháp luật phù hợp và có khả thi cao.

Thứ hai, cơ quan thi hành án hình sự chú trọng và nâng cao hình thức giáo dục văn hóa cho phạm nhân, nhất là thông qua việc tổ chức cho phạm nhân xem tivi, đọc báo, nghe đài phát thanh, cập nhật các sự kiện chính trị, văn hóa của xã hội. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục đạo đức, giáo dục lao động, tổ chức sinh hoạt tổ, nhóm để trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm tốt. Đặc biệt, phải đầy đủ các chế độ đối với phạm nhân, đúng đối tượng và có chế độ khen thưởng hợp lý.

Thứ ba, các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam phải quan tâm, tạo điều kiện cho những người chấp hành án phạt tù được rèn luyện thành quả lao động có ích. Thông qua lao động sẽ tạo điều kiện để hình thành các đặc điểm nhân thân tốt, biết quý trọng đồng tiền, quý trọng tài sản của người khác.

Thứ tư, các cơ quan bảo vệ pháp luật cần phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền để người dân xóa bỏ tâm lý về kỳ thị, có thái độ cực đoan, đối với người phạm tội. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương thực hiện việc vận động, đề ra các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp để họ tuyển dụng người phạm tội sau khi trở về địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho người phạm tội có công ăn, việc làm ổn định.

Thứ năm, đối với cơ quan Công an: Thường xuyên, phối hợp tuần tra kiểm soát khép kín địa bàn; tiến hành rà soát tất cả các đối tượng có biểu hiện nghi vấn trên địa bàn và ở các địa phương lân cận; sàng lọc những đối tượng bất minh về kinh tế, kể cả nhân thân của họ, từ đó đưa ra những kế hoạch ngăn chặn phù hợp.

Thứ sáu, đối với các nạn nhân trong các vụ mất trộm: Cần báo ngay với cơ quan Công an để kịp thời điều tra ngăn chặn hành vi trộm cắp diễn ra tiếp theo.

Thứ bảy, đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình: cần tăng cường đề phòng trộm cắp nhằm tự bảo vệ tài sản của mình.

Thứ tám, các cơ quan tư pháp, đặc biệt là Tòa án trong giai đoạn xét xử phải xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội nhưng không làm oan người vô tội và việc áp dụng hình phạt phải tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tăng cường xét xử lưu động để một mặt, tăng cường, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân mặt khác, nhằm giáo dục và răn đe tội phạm.

Thứ chín, trong giai đoạn thi hành án, chính quyền địa phương có trách nhiệm giám sát, giáo dục người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ; các trại giam, trại tạm giam có trách nhiệm cải tạo, giáo dục, đào tạo nghề cho người chấp hành hình phạt tù. Các cơ quan này phải tăng cường trách nhiệm của mình trong việc cải tạo, giám sát, giáo dục, đào tạo nghề cho người chấp hành án để khi chấp hành xong hình phạt họ có thể làm những việc phù hợp, có thu nhập để nuôi sống bản thân; không có nhu cầu, sở thích, thói quen lệch lạc, biến thái có thể dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội mới;

Thứ mười, khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, chính quyền địa phương có trách nhiệm:

- Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là cấp xã cần tăng cường tổ chức thực hiện và chỉ đạo công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù trở về tái hòa nhập cộng đồng; phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tiếp nhận, giúp đỡ việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù;

- Mặt trận Tổ quốc các cấp chỉ đạo các đoàn thể phối hợp các ngành cùng cấp duy trì hoạt động cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ người lầm lỗi phạm tội tại gia đình

và cộng đồng; tăng cường công tác cảm hóa, giáo dục các đối tượng đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; tổ chức hướng dẫn việc dạy nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo; hướng dẫn hoạt động từ thiện, nhân đạo giúp người chấp hành xong án phạt tù ổn định cuộc sống, nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng.

3.3. Giải pháp nâng cao nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm cấp tài sản

3.3.1. Đối với các cơ quan chuyên trách

Thứ nhất, đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng theo các hình thức:

- Coi trọng và tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhận thức được nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng cho đội ngũ cán bộ điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán.

- Đa số các cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đều được đào tạo cơ bản qua các lớp đại học chuyên ngành; các cơ quan tư pháp cần quan tâm nâng cao năng lực cán bộ của cơ quan mình thông qua việc cử cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn sau đại học, các lớp chuyên đề nghiệp vụ.

- Thực hiện chế độ thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh; thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp vụ trưởng và tương đương (ở trung ương), giám đốc sở và tương đương (ở địa phương) trở xuống.

- Khuyến khích tự đào tạo: Cách làm này được các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm thực hiện bằng nhiều hình thức như thông qua tài liệu, sách báo, internet; qua trao đổi, thảo luận với đồng nghiệp, hội thảo; hướng dẫn tập sự trong thời gian tập sự; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng bắt buộc kiến thức, kỹ năng tối thiểu trước khi bổ nhiệm và bồi dưỡng hàng năm.

Thứ hai, xây dựng và thực hiện quy định pháp luật về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức tương ứng với trách nhiệm và có chế tài xử lý nghiêm đối với hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong đó bao gồm các cán bộ cơ quan tư pháp.

3.3.2. Đối với các cơ quan, tổ chức không chuyên trách và công dân

Để nêu cao ý thức cảnh giác và tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm của cơ quan, tổ chức và người dân, các cơ quan chức năng cần tuyên truyền sâu rộng, bằng nhiều hình thức khác nhau để nâng cao ý thức cảnh giác và tinh thần đấu tranh phòng, chống tội phạm với nội dung như sau:

Thứ nhất, đối với cơ quan, tổ chức không chuyên trách như hội phụ nữ, đoàn thanh niên, mặt trận tổ quốc, cơ quan thông tin đại chúng... thì cần phối hợp với cơ quan chuyên trách trong tham gia phòng ngừa, giám sát, phát hiện, tố giác, báo tin về tội phạm và đấu tranh chống các tội phạm xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua các hình thức như làm các tờ rơi, pa nô, áp phích, khẩu hiệu, báo cáo chuyên đề; giáo dục pháp luật phòng, chống tội phạm với nhiều hình thức phong phú, sinh động để xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ, nhân dân, góp phần hạn chế tội phạm và đấu tranh có hiệu quả với những hành vi phạm tội.

Thứ hai, đối với mọi công dân: Công tác tuyên truyền nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở địa phương nói chung và nhận thức về nguyên nhân – điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng cần được đẩy mạnh và đổi mới về hình thức (tổ chức họp dân phổ có sự tham gia của cán bộ thuộc các cơ quan được giao nhiệm vụ phòng, chống tội phạm; các cơ quan bảo vệ pháp luật phân công cán bộ, báo cáo viên tuyên truyền phổ biến cho nhân dân các kỹ năng xử lý tình huống khi xảy ra các tội trộm cắp tài sản...). Tổ chức sơ kết, tổng kết nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình phòng, chống tội phạm có hiệu quả, xây dựng

mới các mô hình phòng, chống tội phạm phù hợp với địa phương (Mô hình câu lạc bộ trấn áp tội phạm; “chùa cảnh, họ giáo gương mẫu”, “nhóm xung kích”, “tiếng mõ dân phòng”, “quản lý giáo dục người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư”...). Thực tiễn cho thấy, những mô hình phòng, chống tội phạm cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương này đã và đang phát huy hiệu quả đáng khích lệ.

Kết luận chương 3

Từ cơ sở và nội dung dự báo về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản, tác giả đã lập luận, đề xuất các giải pháp phòng ngừa với mục đích là ngăn chặn và đẩy lùi các yếu tố tiêu cực làm phát sinh các tội trộm cắp tài sản. Việc phòng ngừa các tội này cần kết hợp với các biện pháp ngăn chặn tội phạm và được thiết kế trên cơ sở của tình hình tội phạm tiềm tàng đã được xác định ở chương 1 và các biện pháp loại trừ tội phạm được thiết lập trên cơ sở nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, đã được làm rõ ở chương 2. Và ở chương này, lý luận đó được áp dụng để thiết lập hệ thống các biện pháp phòng ngừa cụ thể đối với các tội trộm cắp tài sản từ thực tiễn tỉnh Hậu Giang một cách sát thực và phù hợp.

Các giải pháp chủ yếu hướng vào việc tác động làm lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội để hạn chế những yếu tố tiêu cực đang là nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, với việc phát triển kinh tế địa phương xây dựng quan hệ xã hội tốt đẹp phải gắn với việc nâng cao ý thức của người dân trong việc tuân thủ pháp luật, có ý thức giữ gìn những giá trị đạo đức truyền thống, tôn trọng nhân phẩm, danh dự của con người. Lực lượng thực thi các biện pháp phòng ngừa tội trộm cắp tài sản không thể chỉ là lực lượng nòng cốt, chuyên trách như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự mà nó còn là sự chung tay, góp sức của toàn xã hội, gia đình, nhà trường trong đó phải kể đến vai trò của các đoàn thể và cả những nạn nhân tiềm tàng của tội phạm trộm cắp này.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu tình hình tội trộm cắp tài sản và nguyên nhân, điều kiện của tội phạm này ở Hậu Giang thời gian qua cho phép rút ra những kết luận sau:

Thứ nhất, tội trộm cắp tài sản ở phạm vi toàn quốc nói chung và ở Hậu Giang nói riêng trong những năm qua đã gây ra hiệu ứng nhức nhối trong xã hội, gây ra nhiều thiệt hại về tài sản cho cá nhân, hộ gia đình; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; gây bất an cho nhiều người; gây mất an ninh – trật tự ở địa phương. Phân tích mức độ, diễn biến và cơ cấu của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 cho thấy tình hình tội phạm này có tỉ lệ cao nhất trong các tội xâm phạm sở hữu nói chung, chiếm tỷ lệ 56,16% về số vụ và 58,63% về số bị cáo trong tổng số vụ án và bị cáo nói chung trên toàn tỉnh (địa bàn huyện Châu Thành A có số bị cáo bị xét xử cao nhất); người phạm tội chủ yếu là nam giới, trình độ học vấn thấp, không có việc làm hoặc việc làm không ổn định.

Thứ hai, việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện gồm: Các yếu tố tiêu cực của môi trường sống như môi trường gia đình, nhà trường, xã hội với Nhà nước là chủ thể quản lý; các sai lệch thuộc nhân thân người phạm tội như sai lệch trong ý thức pháp luật, quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội, quá trình kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội. Từ việc nghiên cứu này có thể đề ra các biện pháp phòng ngừa hiệu quả.

Thứ ba, việc nghiên cứu thực trạng phòng ngừa tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang trong thời gian qua cho thấy đã có nhiều sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân tỉnh Hậu Giang, trong đó lực lượng Công an đóng vai trò nòng cốt, chủ công. Sự nỗ lực đó đã góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự, đảm bảo cho sự phát triển nhiều mặt trong đời sống xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, công tác phòng ngừa tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang cũng còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế, dẫn đến xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của tội trộm cắp tài sản.

Thứ tư, từ việc nghiên cứu tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản, tác giả đưa ra dự báo tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn

tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới và đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm này một cách thiết thực góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của công dân, của cơ quan tổ chức ngày càng tốt hơn.

Các giải pháp chủ yếu hướng vào việc tác động để lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội, hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Lực lượng tiến hành các biện pháp phòng ngừa các tội phạm kể trên là lực lượng chuyên trách như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, Cơ quan thi hành án hình sự kết hợp với lực lượng không chuyên trách như gia đình, nhà trường, các đoàn thể và chính bản thân những nạn nhân tiềm tàng của loại tội phạm này.

Luận văn đã được tác giả nghiên cứu một cách nghiêm túc trên cơ sở lý luận, kiến thức từ quá trình học tập và kinh nghiệm thực tiễn từ công việc của tác giả. Đặc biệt là sự hỗ trợ, giúp đỡ tận tình, nhiệt huyết của giáo viên hướng dẫn, các thầy cô tại Học viện khoa học xã hội, các bạn bè, đồng nghiệp... Tuy nhiên với khả năng và kinh nghiệm nghiên cứu của bản thân còn có hạn nên quá trình thực hiện và hoàn thành luận văn không tránh khỏi những khiếm khuyết, hạn chế nhất định. Kính mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, quý thầy cô, bạn bè và những người quan tâm để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011), *Chỉ thị số 09/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo 138/CP (2014), *Mô hình phòng, chống tội phạm tại cơ sở*, NXB Thanh niên, Hà Nội
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
5. Bộ công an (2013), *Chỉ thị số 02/CT-BCA-C41, ngày 01/4/2013 về việc tập trung chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng cảnh sát nhân dân trong tình hình mới*, Hà Nội.
6. Phạm Văn Các (2015), *Thực trạng đội ngũ Điều tra viên – Những vấn đề đặt ra đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp trong tình hình hiện nay*, Tạp chí cảnh sát phòng, chống tội phạm, (số 56).
7. Lê Cẩm (chủ biên) (2003), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
8. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
9. Công an tỉnh Hậu Giang (2015), *Báo cáo công tác tổng kết năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
10. Đại học Quốc Gia Hà Nội, Khoa Luật (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
11. Nguyễn Minh Đức (2014), *Đặc điểm tội phạm học do người chưa thành niên thực hiện và giải pháp phòng ngừa chung*, Tạp chí cảnh sát nhân dân, (số 5), Tr 20.
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học*, Tạp chí Luật học, (số 6), Tr 14-15.

13. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và đấu tranh tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Học viện Cảnh sát nhân dân (2013), *Một số vấn đề Tội phạm học Việt Nam* (Tài liệu tham khảo dành cho hệ đào tạo sau đại học).
15. Hội đồng Trung ương (2013), *Giáo trình triết học Mác – Lê nin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.
16. Dương Tuyết Miên (2013), *Tội phạm học đương đại*, Nxb Chính trị - hành chính.
17. Quốc hội (2003), *Bộ luật tổ tụng hình sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (1999) sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Quốc hội (2011), *Luật Thi hành án hình sự năm 2011 và văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị quốc gia.
20. Quốc hội (2013), *Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội khoá 13 “Về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện Kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án dân sự năm 2013”*, Hà Nội.
21. Lý Văn Quyền (2005), *Vai trò của Tòa án trong việc phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Luật học, (số 6), Tr 22-23.
22. Đỗ Thị Sánh (2014), *Nguyên nhân và điều kiện của tội trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.
23. Lê Thế Tiệm, Phạm Tự Phả và tập thể tác giả (1994), *Tội phạm ở Việt Nam – Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, đề tài KX 04-14, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
24. Phạm Văn Tĩnh (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí kiểm sát, (số 1 và 3), Tr 11.

25. Phạm Văn Tĩnh (2000), *Các phương pháp nghiên cứu tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Phạm Văn Tĩnh (2004), *Xác định hệ đặc điểm chuyên biệt của tình hình tội phạm do từng loại người phạm tội gay ra là một phương pháp khả thi và hữu hiệu trong việc nghiên cứu và đánh giá tình hình tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát (số 9), Tr 17-22.
27. Phạm Văn Tĩnh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 6), Tr 19.
28. Phạm Văn Tĩnh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 6).
29. Phạm Văn Tĩnh (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 4), Tr 25.
30. Phạm Văn Tĩnh (2014), *Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 3).
31. Tòa án nhân dân 08 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Hậu Giang, *100 bản án hình sự sơ thẩm và 20 bản án hình sự phúc thẩm xét xử các tội trộm cắp tài sản trong giai đoạn từ năm từ năm 2011 đến năm 2015*.
32. Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (2015), *Báo cáo công tác tổng kết năm và các bản án về trộm cắp tài sản năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
33. Trần Hữu Tráng, (2010), *Bàn về nguyên nhân của tội phạm*, Tạp chí luật học (số 11), Tr. 43-51.
34. Trần Hữu Tráng (2011), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
35. Trường đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Trường đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nxb tư pháp, Hà Nội.
37. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

38. Trường đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
39. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang (2015), *Báo cáo công tác tổng kết năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
40. Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
42. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân.
43. Võ Khánh Vinh (2006), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân.
44. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học, chương VII “Phòng ngừa tình hình tội phạm”*, Đại học Huế, Trung tâm đào tạo từ xa.
45. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình tội phạm học*, NXB Giáo dục.
46. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.